

Số : 886/QĐ-ĐHKTL-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân
cho sinh viên các khóa – hình thức đào tạo đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/04/2017 của Giám đốc ĐHQG TP.HCM về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09/08/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân cho 1258 sinh viên các khóa hình thức đào tạo đại học chính quy, gồm có:

Stt	Ngành đào tạo	Số lượng
1	Kinh tế	148
2	Kinh tế quốc tế	97
3	Toán kinh tế	16
4	Quản trị kinh doanh	117
5	Marketing	79
6	Kinh doanh quốc tế	111
7	Thương mại điện tử	40
8	Tài chính - Ngân hàng	142
9	Kế toán	94
10	Kiểm toán	79

Cf



11	Hệ thống thông tin quản lý	35
12	Luật	116
13	Luật Kinh tế	184

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Khoa/Bộ môn, đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KINH TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K134010026	HUỖNH THỊ TRÚC LINH	Nữ	07/07/1994	QSKA.01165	Đồng Nai	2NT		6.87	Trung bình khá	K13401	Kinh tế
2	K164012078	LÊ ĐÌNH SÁNG	Nam	20/01/1998	HUI009663	Đồng nai	2		6.65	Trung bình khá	K16401	Kinh tế
3	K174010051	TRỊNH THỊ NHƯ THI	Nữ	08/03/1999	45000755	Ninh Thuận	2NT		7.48	Khá	K17401	Kinh tế
4	K174010055	NGUYỄN VĨNH THUẬN	Nam	11/07/1998	52000394	Bà Rịa Vũng Tàu	1		8.00	Giỏi	K17401	Kinh tế
5	K174010058	HỒ PHÚ NGỌC TRÂM	Nữ	27/11/1999	52007340	Bà Rịa Vũng Tàu	1		7.52	Khá	K17401	Kinh tế
6	K174010065	TRỊNH THỊ TUYẾT	Nữ	12/02/1999	63000437	Đắk Lắk	1		7.42	Khá	K17401	Kinh tế
7	K184010001	NÔNG THỊ TUYẾT ANH	Nữ	19/08/2000	43006881	Bình Phước	1	01	7.77	Khá	K18401	Kinh tế
8	K184010002	TRỊNH TUẤN ANH	Nam	09/01/2000	49004046	Long An			7.44	Khá	K18401	Kinh tế
9	K184010003	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	14/11/2000	37003006	Bình Định	2NT		8.17	Giỏi	K18401	Kinh tế
10	K184010004	TRẦN THỊ NGỌC DIỆU	Nữ	13/10/2000	42007684	Lâm Đồng	1		8.20	Giỏi	K18401	Kinh tế
11	K184010007	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	Nam	06/05/2000	39007190	Phú Yên		00	8.16	Giỏi	K18401T	Kinh tế
12	K184010011	THẠCH THỊ MỸ HẠNH	Nữ	07/05/2000	47006969	Bình Thuận		00	7.62	Khá	K18401	Kinh tế
13	K184010012	HÀ THỊ HẰNG	Nữ	01/01/1999	DB000001	Bình Thuận		01	7.37	Khá	K18401	Kinh tế
14	K184010013	PHAN THỊ THU HIỀN	Nữ	18/08/2000	37012584	Bình Định	2NT		8.08	Giỏi	K18401	Kinh tế
15	K184010015	HUỖNH THỊ THANH HÒA	Nữ	22/09/2000	41005690	Khánh Hòa		00	8.08	Giỏi	K18401	Kinh tế
16	K184010016	NGUYỄN THỊ THANH HÒA	Nữ	08/08/2000	45000212	Ninh Thuận		00	8.45	Giỏi	K18401	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184010017	ĐINH NGỌC LAN HUY	Nữ	05/08/2000	39003466	Phú Yên	2NT		7.85	Khá	K18401	Kinh tế
18	K184010020	TRẦN THU HƯƠNG	Nữ	23/09/2000	43002281	Bình Phước	1		8.58	Giỏi	K18401T	Kinh tế
19	K184010022	NGUYỄN VIỆT KHANG	Nam	12/10/2000	50001321	Kiên Giang	2NT		8.22	Giỏi	K18401T	Kinh tế
20	K184010023	LÊ THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	10/08/2000	40011540	Đắk Lắk	1	00	8.23	Giỏi	K18401	Kinh tế
21	K184010024	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	25/10/2000	43001389	Bình Phước	1		7.54	Khá	K18401	Kinh tế
22	K184010027	NGUYỄN THÁI THÀNH LONG	Nam	08/01/2000	44006680	Bình Thuận	2		8.16	Giỏi	K18401	Kinh tế
23	K184010029	BÙI YẾN LY	Nữ	16/08/2000	34013066	Quảng Nam	2NT		7.63	Khá	K18401	Kinh tế
24	K184010030	TRẦN VÕ GIA LYNH	Nữ	10/11/2000	53001153	Tiền Giang	2NT		7.66	Khá	K18401	Kinh tế
25	K184010031	NGUYỄN NGỌC KIỀU MƠ	Nữ	25/10/2000	53013463	Tiền Giang	2NT		7.47	Khá	K18401	Kinh tế
26	K184010032	TRẦN THỊ TRÀ MY	Nữ	16/07/2000	37014819	Bình Định	1		7.96	Khá	K18401	Kinh tế
27	K184010034	HUỶNH THỊ THANH NGÂN	Nữ	08/12/2000	50000871	Vĩnh Long	2NT		7.55	Khá	K18401	Kinh tế
28	K184010037	ĐOÀN THANH NGỌC	Nữ	20/09/2000	42007897	Lâm Đồng	1		8.02	Giỏi	K18401	Kinh tế
29	K184010038	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	Nam	30/04/2000	47007773	Bình Thuận	1		8.22	Giỏi	K18401T	Kinh tế
30	K184010039	DƯƠNG THỊ KHÁNH NHI	Nữ	03/08/2000	55000304	Cần Thơ	2		8.00	Giỏi	K18401	Kinh tế
31	K184010040	PHAN HÀ Ý NHI	Nữ	05/07/2000	31009362	Quảng Bình		00	8.28	Giỏi	K18401	Kinh tế
32	K184010041	PHÙNG THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	23/08/2000	48023685	Đồng Nai	2		8.63	Giỏi	K18401	Kinh tế
33	K184010042	TÔ THỊ NỮ	Nữ	06/11/2000	40018550	Đắk Lắk		00	8.25	Giỏi	K18401	Kinh tế
34	K184010043	NGUYỄN HỮU PHÚC	Nam	23/10/2000	53011550	Tiền Giang	2NT		7.45	Khá	K18401	Kinh tế
35	K184010045	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	18/04/2000	36000278	Gia Lai			7.33	Khá	K18401	Kinh tế
36	K184010046	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	02/04/2000	44001226	Bình Dương			6.99	Trung bình khá	K18401	Kinh tế
37	K184010049	KIM ĐĂNG THÀNH	Nam	12/03/1999	DB000003	Đà Nẵng			8.38	Giỏi	K18401	Kinh tế
38	K184010051	TRẦN THANH THẢO	Nữ	03/08/2000	02064818	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	00	7.63	Khá	K18401	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
39	K184010052	ĐÀO THỊ THẨM	Nữ	09/11/2000	40013312	Đắk Lắk	1		7.79	Khá	K18401	Kinh tế
40	K184010054	NHỮ THỊ THÚY	Nữ	11/01/2000	29018414	Nghệ An	1		8.20	Giỏi	K18401	Kinh tế
41	K184010055	THÁI THỊ THANH THÚY	Nữ	01/09/2000	47005422	Bình Thuận	2NT		7.37	Khá	K18401	Kinh tế
42	K184010056	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	Nữ	16/08/2000	40016729	Đắk Lắk	1		8.16	Giỏi	K18401	Kinh tế
43	K184010058	MAI VĂN THƯỜNG	Nam	13/09/2000	33003695	Thừa Thiên Huế		00	7.85	Khá	K18401	Kinh tế
44	K184010060	LÊ THỊ HIỀN TRANG	Nữ	10/10/2000	37010388	Bình Định	1		8.00	Giỏi	K18401	Kinh tế
45	K184010062	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	14/08/2000	02031423	Tp. Hồ Chí Minh	3		7.43	Khá	K18401	Kinh tế
46	K184010063	PHẠM QUẾ TRÂN	Nữ	14/02/2000	46008339	Tây Ninh	2NT		8.36	Giỏi	K18401	Kinh tế
47	K184010065	NGÔ THANH TÙNG	Nam	17/09/2000	44005840	Đồng Nai		00	7.97	Khá	K18401	Kinh tế
48	K184010066	TRIỆU THỊ TƯƠI	Nữ	09/10/2000	39006696	Phú Yên	2NT		7.72	Khá	K18401	Kinh tế
49	K184010068	PHAN BẢO XUYỀN	Nam	30/12/2000	61009155	Bạc Liêu		00	8.49	Giỏi	K18401	Kinh tế
50	K184010082	HOÀNG LONG	Nam	07/01/2000	02001876	TP. Hồ Chí Minh		00	8.76	Giỏi	K18401T	Kinh tế
51	K184010088	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	03/10/2000	42004721	Lâm Đồng	1	00	8.29	Giỏi	K18401T	Kinh tế
52	K184010101	LÊ HOÀNG VŨ	Nam	06/03/2000	02042627	TP. Hồ Chí Minh	3		8.41	Giỏi	K18401T	Kinh tế
53	K184010069	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	20/07/2000	02046933	Thanh Hóa	3		7.89	Khá	K18401C	Kinh tế
54	K184010070	PHẠM THỊ HUYỀN ANH	Nữ	24/04/2000	43001109	Bình Phước	1		7.57	Khá	K18401C	Kinh tế
55	K184010071	PHÙNG NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	15/11/2000	48011272	Đồng Nai	2NT		7.47	Khá	K18401C	Kinh tế
56	K184010073	LÊ PHƯƠNG DIỆU HẰNG	Nữ	06/01/2000	02044602	Bình Thuận	3		7.28	Khá	K18401C	Kinh tế
57	K184010077	LÊ THANH HUY	Nam	24/11/2000	56000591	Bến Tre	2		7.89	Khá	K18401C	Kinh tế
58	K184010078	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	26/10/2000	42003849	Lâm Đồng	1		7.58	Khá	K18401C	Kinh tế
59	K184010080	LÊ HOÀNG LÂM	Nam	15/01/2000	40015725	Đắk Lắk	1		8.38	Giỏi	K18401C	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
60	K184010083	TRẦN NGỌC LONG	Nam	12/04/2000	42010858	Lâm Đồng	1		7.53	Khá	K18401C	Kinh tế
61	K184010085	TRƯƠNG HỒNG NGÂN	Nữ	28/02/2000	37000270	Bình Định	2		7.52	Khá	K18401C	Kinh tế
62	K184010086	ĐÀO HỒNG NGỌC	Nữ	08/09/2000	52001817	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.38	Khá	K18401C	Kinh tế
63	K184010087	NGUYỄN TÂN NGỌC	Nam	31/10/2000	49003353	Long An	2		7.95	Khá	K18401C	Kinh tế
64	K184010090	TÓNG HOÀNG HIỀN NHI	Nữ	27/07/2000	02025484	Thừa Thiên Huế			7.13	Khá	K18401C	Kinh tế
65	K184010091	ĐINH NHƯ PHỤNG	Nam	08/07/2000	49009869	TP. Hồ Chí Minh	2NT		7.77	Khá	K18401C	Kinh tế
66	K184010092	VÔ HÀ SAN	Nữ	27/04/2000	49013794	Tiền Giang	2NT		7.73	Khá	K18401C	Kinh tế
67	K184010098	NGUYỄN THỊ TRINH	Nữ	17/03/2000	63000695	Đắk Lắk	1		7.47	Khá	K18401C	Kinh tế
68	K184010099	ĐỖ THỊ THANH TRÚC	Nữ	17/03/2000	37007973	Bình Định	2NT		7.77	Khá	K18401C	Kinh tế
69	K184010100	PHAN VŨ NHÃ UYÊN	Nữ	28/05/2000	02046290	TP. Hồ Chí Minh	3		7.49	Khá	K18401C	Kinh tế
70	K184010102	LÊ HOÀNG HOA VY	Nữ	13/07/2000	43001868	Bình Phước	1		7.86	Khá	K18401C	Kinh tế
71	K184010104	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	07/10/2000	42001990	Ninh Thuận	1		8.22	Giỏi	K18401C	Kinh tế
72	K154030232	CAO THỊ THU HÀ	Nữ	13/02/1997	DQN004908	Bình Định	1	00	7.29	Khá	K15403	Kinh tế
73	K164032136	NGUYỄN ĐỨC TÂM	Nam	26/10/1998	HUI009982	Đồng Nai	1		7.01	Khá	K16403	Kinh tế
74	K174030216	TRƯƠNG QUỐC ĐẠT	Nam	26/01/1999	35008312	Quảng Ngãi	2NT		7.33	Khá	K17403	Kinh tế
75	K174030217	VÔ THỊ NGỌC GIANG	Nữ	10/08/1999	36002352	Kon Tum	1		7.05	Khá	K17403	Kinh tế
76	K174030224	DƯƠNG THỊ HOA	Nữ	06/12/1999	37012095	Bình Định	1		7.24	Khá	K17403	Kinh tế
77	K174030225	NGUYỄN NGỌC HUỆ	Nữ	07/05/1999	49007953	Long An	2NT		7.27	Khá	K17403	Kinh tế
78	K174030270	LÊ NGỌC TÚ UYÊN	Nữ	23/03/1999	02055987	TPHCM	3		7.25	Khá	K17403	Kinh tế
79	K184030235	BÙI QUỐC ANH	Nam	09/07/2000	02001424	Nghệ An	3		7.62	Khá	K18403	Kinh tế
80	K184030238	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	09/08/2000	47000030	Bình Thuận	2		8.12	Giỏi	K18403	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
81	K184030239	PHẠM NGỌC	ÁNH	Nữ	24/11/2000	52001323	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.37	Khá	K18403	Kinh tế
82	K184030241	HOÀNG MINH	CHU	Nữ	16/10/2000	52005523	Bà Rịa - Vũng Tàu		00	7.72	Khá	K18403	Kinh tế
83	K184030242	PHẠM THỊ	CÚC	Nữ	26/03/2000	38006571	Gia Lai	1		7.53	Khá	K18403	Kinh tế
84	K184030243	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	15/01/2000	38006592	Đắk Lắk	1		7.52	Khá	K18403	Kinh tế
85	K184030246	TRƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	17/06/2000	35003801	Quảng Ngãi	2		8.09	Giỏi	K18403	Kinh tế
86	K184030247	NGUYỄN HẢI	GIANG	Nam	13/09/2000	42008212	Lâm Đồng	1		7.02	Khá	K18403	Kinh tế
87	K184030248	NGUYỄN THỊ KIM	HAI	Nữ	31/05/2000	51003907	An Giang	2NT		7.24	Khá	K18403	Kinh tế
88	K184030249	LÊ CHÍ	HÀO	Nam	14/01/2000	02012043	TP. Hồ Chí Minh	3		7.07	Khá	K18403	Kinh tế
89	K184030251	ĐỖ BẢO	HÂN	Nữ	06/09/2000	37004224	Bình Định	2NT		7.50	Khá	K18403	Kinh tế
90	K184030257	NGÔ ĐỖ DUY	KHƯƠNG	Nam	22/10/2000	43004999	Bình Phước	1		7.25	Khá	K18403	Kinh tế
91	K184030258	LÊ THỊ THU	KIỀU	Nữ	06/03/2000	63002042	Đắk Lắk	1		7.99	Khá	K18403	Kinh tế
92	K184030260	DƯƠNG THỦY	LINH	Nữ	21/03/2000	40000244	Đắk Lắk	1		8.19	Giỏi	K18403	Kinh tế
93	K184030262	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	Nam	08/10/2000	02024073	TP. Hồ Chí Minh	3		7.75	Khá	K18403	Kinh tế
94	K184030263	NGUYỄN THỊ GIAI	LỢI	Nữ	13/04/2000	39009404	Phú Yên	2		7.13	Khá	K18403	Kinh tế
95	K184030266	LÊ THỊ TUYẾT	NGA	Nữ	01/05/2000	37006290	Bình Định	2		7.95	Khá	K18403	Kinh tế
96	K184030267	HÀ HUỖNH AN TRƯỜNG	NGÂN	Nữ	01/02/2000	49004351	Long An			6.82	Trung bình khá	K18403	Kinh tế
97	K184030268	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	12/12/2000	02022788	Tp. Hồ Chí Minh	3		7.58	Khá	K18403	Kinh tế
98	K184030269	LÊ BẢO	NGỌC	Nữ	19/08/2000	02061079	Tp. Hồ Chí Minh			7.10	Khá	K18403	Kinh tế
99	K184030270	PHÙNG TUYẾT	NHI	Nữ	17/10/2000	03010451	Hải Phòng	3		6.73	Trung bình khá	K18403	Kinh tế
100	K184030271	LƯƠNG THỊ CẨM	NHUNG	Nữ	26/11/1999	57006330	Gia Lai	2		7.53	Khá	K18403	Kinh tế
101	K184030272	NGUYỄN MAI CẨM	NHUNG	Nữ	04/06/2000	41006361	Khánh Hòa	2		7.78	Khá	K18403	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
102	K184030273	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	06/02/2000	35004026	Quảng Ngãi		00	7.12	Khá	K18403	Kinh tế
103	K184030276	LÊ TÂM NHƯ	Nữ	18/09/2000	39005321	Phú Yên	2NT		7.29	Khá	K18403	Kinh tế
104	K184030277	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	08/12/2000	43003338	Bình Phước		00	7.55	Khá	K18403	Kinh tế
105	K184030278	NGUYỄN THỊ HỒNG QUI	Nữ	28/10/2000	39006274	Phú Yên	2NT		7.87	Khá	K18403	Kinh tế
106	K184030281	LÊ THỊ NHƯ THẢO	Nữ	15/01/2000	48023768	Đồng Nai	2		7.53	Khá	K18403	Kinh tế
107	K184030282	VÕ THU THẢO	Nữ	28/11/2000	34012745	Quảng Nam	2NT		8.13	Giỏi	K18403	Kinh tế
108	K184030283	HOÀNG THỊ HÀ THU	Nữ	20/10/2000	38008832	Gia Lai	1	01	7.21	Khá	K18403	Kinh tế
109	K184030288	PHAN THỊ NHẬT TIẾP	Nữ	30/09/2000	34007997	Quảng Nam	2NT		8.08	Giỏi	K18403	Kinh tế
110	K184030290	VŨ QUỲNH TRANG	Nữ	12/12/2000	48006465	Đồng Nai	2		7.48	Khá	K18403	Kinh tế
111	K184030292	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRÂM	Nữ	16/12/2000	39008129	Phú Yên	2		7.52	Khá	K18403	Kinh tế
112	K184030293	VĂN THỊ HOÀI TRÂM	Nữ	20/08/2000	40016907	Đắk Lắk	1		8.00	Giỏi	K18403	Kinh tế
113	K184030294	VÕ NGỌC TRÂM	Nữ	13/03/2000	39008136	Phú Yên	2		7.28	Khá	K18403	Kinh tế
114	K184030295	HOÀNG THỊ NGỌC TRINH	Nữ	13/05/2000	43003471	Bình Phước	1		7.28	Khá	K18403	Kinh tế
115	K184030296	NGUYỄN HỮU ĐÌNH TRUNG	Nam	03/02/2000	42005000	Lâm Đồng	1		7.26	Khá	K18403	Kinh tế
116	K184030297	LÊ PHẠM ĐAN TRÚC	Nữ	07/07/2000	41004076	Khánh Hòa	2NT		7.26	Khá	K18403	Kinh tế
117	K184030298	PHẠM NGỌC TUYẾT	Nữ	30/01/2000	48000499	Đồng Nai	2		8.08	Giỏi	K18403	Kinh tế
118	K184030300	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	30/11/2000	45004936	Ninh Thuận	2		7.82	Khá	K18403	Kinh tế
119	K184030301	TRẦN THỊ THẢO UYÊN	Nữ	28/03/2000	02046292	Đồng Nai	3		7.38	Khá	K18403	Kinh tế
120	K184030302	NGUYỄN THÚY VI	Nữ	06/12/2000	54010683	An Giang	2NT	00	8.44	Giỏi	K18403	Kinh tế
121	K184030303	BÙI THỊ KHÁNH VY	Nữ	06/02/2000	56008010	Bến Tre	1		7.38	Khá	K18403	Kinh tế
122	K184030304	VÕ THỊ CẨM VY	Nữ	12/12/2000	29027179	Nghệ An	2		7.13	Khá	K18403	Kinh tế
123	K184031961	NGUYỄN THỊ NHI	Nữ	29/02/2000	40011713	Đắk Lắk			7.33	Khá	K18403	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
124	K184031962	HUỖNH MAI THANH PHƯƠNG	Nữ	18/01/2000		Long An			6.77	Trung bình khá	K18403	Kinh tế
125	K184031963	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/05/2000		Bến Tre		00	7.32	Khá	K18403	Kinh tế
126	K174030277	HỒ QUỐC KHÁNH	Nam	26/11/1999	35004185	Quảng Ngãi	2		6.77	Trung bình khá	K17403C	Kinh tế
127	K174030285	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	Nam	02/10/1999	52006473	Đồng Nai	1		7.03	Khá	K17403C	Kinh tế
128	K184030305	NGUYỄN HUỖNH VÂN ANH	Nữ	09/09/2000	02037649	TP. Hồ Chí Minh		00	8.46	Giỏi	K18403C	Kinh tế
129	K184030307	NGUYỄN THỊ TUYẾT BĂNG	Nữ	22/06/1999	57002277	Vĩnh Long	2		8.44	Giỏi	K18403C	Kinh tế
130	K184030311	HUỖNH THỊ PHƯƠNG DUY	Nữ	17/07/2000	55003658	Cần Thơ	3		7.89	Khá	K18403C	Kinh tế
131	K184030312	TRƯƠNG THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	03/11/2000	37013089	Bình Định	2NT		7.83	Khá	K18403C	Kinh tế
132	K184030314	ĐẶNG TRẦN THU HÀ	Nữ	01/03/2000	37003859	Bình Định		00	8.40	Giỏi	K18403C	Kinh tế
133	K184030316	PHẠM VĂN HIỆP	Nam	17/09/2000	44000434	Nam Định		00	6.71	Trung bình khá	K18403C	Kinh tế
134	K184030317	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	Nữ	28/07/2000	02044842	Tây Ninh	3		7.28	Khá	K18403C	Kinh tế
135	K184030321	PHAN THỊ HOÀI MƠ	Nữ	01/05/2000	39008824	Phú Yên	2		7.57	Khá	K18403C	Kinh tế
136	K184030323	TRẦN KIM NGỌC	Nữ	07/05/2000	52000883	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.47	Khá	K18403C	Kinh tế
137	K184030324	TRƯƠNG THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	02/09/2000	02047433	Thái Bình	3		8.11	Giỏi	K18403C	Kinh tế
138	K184030328	TÔ THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	28/10/2000	39007840	Phú Yên		00	7.73	Khá	K18403C	Kinh tế
139	K184030329	PHẠM THỊ TUYẾT SANG	Nữ	02/11/2000	63000599	Đắk Lắk			7.78	Khá	K18403C	Kinh tế
140	K184030334	HÀ THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	28/01/2000	02038658	Hà Nội	3		7.23	Khá	K18403C	Kinh tế
141	K184030335	VÕ QUỐC THẮNG	Nam	28/10/2000	49004524	Long An	2		7.03	Khá	K18403C	Kinh tế
142	K184030336	TẠ MẠNH THẾ	Nam	11/11/2000	54003941	Kiên Giang	1		8.20	Giỏi	K18403C	Kinh tế
143	K184030338	TRẦN THỊ BÍCH THỦY	Nữ	28/06/1998	48004029	Đồng Nai	2NT		7.87	Khá	K18403C	Kinh tế
144	K184030339	TRẦN THỊ ANH THƯ	Nữ	27/01/2000	02040288	Bình Dương		00	8.48	Giỏi	K18403C	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
145	K184030340	TRẦN NGỌC TUẤN	Nam	01/04/2000	37013994	Bình Định	2NT		8.07	Giỏi	K18403C	Kinh tế
146	K184030341	NGUYỄN THỊ MỘNG TUYỀN	Nữ	08/06/2000	53006290	Tiền Giang	2NT		8.25	Giỏi	K18403C	Kinh tế
147	K184030342	TRẦN THỊ DIỄM UYÊN	Nữ	26/09/2000	39009917	Phú Yên	2		8.05	Giỏi	K18403C	Kinh tế
148	K184030343	VÕ KIM VÂN	Nữ	13/11/2000	02034461	TP. Hồ Chí Minh	3		7.47	Khá	K18403C	Kinh tế

Tổng cộng: 148



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KINH TẾ QUỐC TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K174020103	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	14/01/1998	42013679	Lâm Đồng	1	06	7.19	Khá	K17402	Kinh tế quốc tế
2	K174020146	TRẦN THỊ THANH THÚY	Nữ	20/08/1998	42001776	Lâm Đồng	1		7.17	Khá	K17402	Kinh tế quốc tế
3	K184020105	NGUYỄN HOÀNG TUẤN ANH	Nam	18/03/2000	55006782	Cần Thơ	3		7.62	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
4	K184020106	PHAN NGỌC LAN ANH	Nữ	20/11/2000	43003064	Bình Phước			8.21	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
5	K184020108	HOÀNG HỒNG ÁNH	Nữ	21/10/2000	02044228	Đồng Nai		00	7.53	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
6	K184020111	LƯU THỊ BÍCH CHÂU	Nữ	23/12/2000	47009274	Bình Thuận	1		7.73	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
7	K184020112	NGUYỄN THỊ CHÂU	Nữ	10/10/2000	63005158	Đắk Lắk	1		7.38	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
8	K184020113	NGUYỄN THỊ NGỌC CHI	Nữ	08/09/2000	43003088	Bình Phước	1		8.09	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
9	K184020114	TRẦN VĂN CHIẾN	Nam	09/03/2000	42006206	Lâm Đồng	1		8.00	Giỏi	K18402T	Kinh tế quốc tế
10	K184020115	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU	Nữ	03/08/2000	35002355	Quảng Ngãi	2		8.28	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
11	K184020116	DIỆC HUỖNH PHƯƠNG DUNG	Nữ	18/03/2000	53006881	Tiền Giang		00	8.41	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
12	K184020118	TRẦN THỊ MỸ HÀ	Nữ	25/10/2000	31005519	Quảng Bình	2NT		8.40	Giỏi	K18402T	Kinh tế quốc tế
13	K184020120	NGUYỄN THANH HÀO	Nam	18/07/2000	37009777	Bình Định	1		8.09	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
14	K184020121	PHẠM VY NHẬT HẠ	Nữ	27/09/2000	02044569	Tây Ninh	3		7.35	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
15	K184020123	TRẦN LÊ NGỌC HIẾU	Nữ	02/03/2000	02055108	TP. Hồ Chí Minh	2		7.80	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
16	K184020124	LÊ THỊ THANH HOA	Nữ	28/08/2000	38001311	Gia Lai	1		7.87	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
17	K184020125	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOANH	Nữ	25/04/2000	35008162	Quảng Ngãi	1		7.97	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
18	K184020126	LÊ NGUYỄN MỸ HOÀN	Nữ	01/07/2000	40017760	Đắk Lắk	1		7.57	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
19	K184020127	LÊ THỊ HÒA	Nữ	23/07/2000	29022641	Nghệ An	1		8.23	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
20	K184020128	PHẠM THỊ HỒNG	Nữ	17/10/2000	42006280	Lâm Đồng	1		7.75	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
21	K184020129	DƯƠNG HOÀI KHÁNH HUYỀN	Nữ	25/02/2000	42001547	Lâm Đồng	1		8.33	Giỏi	K18402T	Kinh tế quốc tế
22	K184020130	NGUYỄN THỊ LỆ HUYỀN	Nữ	06/10/2000	39004196	Phú Yên	2NT		8.14	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
23	K184020131	TRƯƠNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	28/09/2000	47008722	Bình Thuận	1		8.08	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
24	K184020132	LÊ MẠNH HÙNG	Nam	05/08/2000	31000707	Quảng Bình	2		7.93	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
25	K184020133	LÊ DƯƠNG BỬU KIM	Nữ	03/05/2000	46000285	Tây Ninh		00	8.32	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
26	K184020135	HOÀNG NGUYỄN THỦY LINH	Nữ	16/12/2000	43003247	Bình Phước	1		8.05	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
27	K184020136	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	24/03/2000	01017672	Thanh Hóa	3		7.53	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
28	K184020137	NGUYỄN THỊ NGÂN LINH	Nữ	22/01/2000	43001412	Bình Phước	1		8.33	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
29	K184020138	PHAN ĐẶNG HIẾU LINH	Nữ	30/09/2000	47001829	Bình Thuận	1	00	7.97	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
30	K184020139	ĐÁI PHÚC LONG	Nam	15/06/2000	56000196	Bến Tre	2		8.33	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
31	K184020140	HOÀNG KIM LONG	Nam	24/04/2000	48006826	Đồng Nai	2	06	8.32	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
32	K184020141	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	20/05/2000	40010952	Đắk Lắk	1		8.12	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
33	K184020143	NGUYỄN NGỌC LỢI	Nữ	26/09/2000	38001430	Gia Lai	1	06	7.91	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
34	K184020144	LÊ THỊ HỒNG LỸ	Nữ	22/04/2000	63000211	Quảng Trị		00	8.29	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
35	K184020146	HOÀNG NGỌC MỸ	Nam	05/06/2000	43005739	Lâm Đồng	1	01	7.55	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
36	K184020147	NGUYỄN TRẦN HOÀI MỸ	Nữ	07/11/2000	37014824	Bình Định	1		8.25	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
37	K184020148	LÊ THỊ HẰNG NGA	Nữ	09/03/2000	40009546	Đắk Lắk	1		8.26	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
38	K184020149	HUỖNH THỊ THU NGÂN	Nữ	20/07/2000	35009691	Quảng Ngãi	2NT		8.54	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
39	K184020152	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	27/06/2000	38001460	Gia Lai	1		7.97	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
40	K184020153	PHẠM MAI NGỌC	Nữ	04/09/2000	28031619	Thanh Hóa	1		8.20	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
41	K184020154	HỒ THẢO NGUYÊN	Nữ	10/05/2000	42007505	Lâm Đồng	1		8.20	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
42	K184020155	NGUYỄN TRẦN LONG NHÂN	Nam	12/02/2000	52000899	Đồng Nai	2	00	7.04	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
43	K184020157	NGUYỄN THỊ HOÀI NHI	Nữ	25/06/2000	35002594	Quảng Ngãi	1		7.23	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
44	K184020158	TRƯƠNG HOÀNG NHI	Nữ	27/06/1998	DB000005	Ninh Thuận		00	7.12	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
45	K184020159	PHẠM NGUYỄN NHƯ NHƯ	Nữ	10/08/2000	40016213	Đắk Lắk	1		8.27	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
46	K184020160	PHAN ĐẠI KIỀU NỮ	Nữ	26/02/2000	39000617	Phú Yên	2	00	8.14	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
47	K184020161	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	13/08/2000	30008302	Hà Tĩnh	1		8.28	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
48	K184020163	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	04/05/2000	40015102	Đắk Lắk	1		7.65	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
49	K184020164	TRẦN THỊ KIM PHƯƠNG	Nữ	10/06/2000	35004060	Quảng Ngãi	2		8.27	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
50	K184020166	NGÔ THỊ XUÂN QUYÊN	Nữ	20/10/2000	35006753	Quảng Ngãi	2NT		8.01	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
51	K184020167	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	10/08/2000	38001531	Gia Lai	1		8.03	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
52	K184020168	DƯƠNG THỊ THÙY SƯƠNG	Nữ	15/10/2000	39005357	Phú Yên	2NT		8.50	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
53	K184020169	NGÔ PHÚC THIÊN THANH	Nữ	29/08/2000	47007340	Bình Thuận	2		8.53	Giỏi	K18402T	Kinh tế quốc tế
54	K184020170	VÕ THỊ YẾN THANH	Nữ	11/02/2000	35006797	Quảng Ngãi	2NT		8.08	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
55	K184020171	DƯƠNG NGÔ THU THẢO	Nữ	05/02/2000	35004104	Quảng Ngãi	1		7.44	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
56	K184020172	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC THẨM	Nữ	31/08/2000	53008213	Tiền Giang		00	8.54	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
57	K184020175	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	18/04/2000	39001493	Phú Yên	1		7.98	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
58	K184020176	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	Nữ	06/08/2000	37007921	Bình Định	1		8.40	Giỏi	K18402T	Kinh tế quốc tế
59	K184020179	NGUYỄN NGỌC TIỀN	Nữ	17/08/2000	46001536	Tây Ninh		00	8.21	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
60	K184020180	LÂM THỊ TỎ TỎ	Nữ	18/11/2000	54001612	Kiên Giang	1		7.98	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
61	K184020182	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	03/12/2000	42001892	Lâm Đồng	1		8.20	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
62	K184020183	PHẠM THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	31/05/2000	43001779	Bình Phước	1	00	8.61	Giỏi	K18402T	Kinh tế quốc tế
63	K184020184	LÊ QUỐC TRI	Nam	18/02/2000	52009513	Bình Định	2NT		8.11	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
64	K184020185	HỒ NGỌC YẾN TRINH	Nữ	28/07/2000	34009919	Quảng Nam		00	8.38	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
65	K184020186	NGUYỄN TÂN TRỌNG	Nam	27/08/2000	44005158	Bình Thuận		00	8.35	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
66	K184020187	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	06/03/2000	48012379	Gia Lai	2NT		7.73	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
67	K184020188	NGUYỄN NGỌC KHẢ TÚ	Nữ	28/10/1999	DB000006	Đắk Lắk		00	6.85	Trung bình khá	K18402	Kinh tế quốc tế
68	K184020189	NGUYỄN NGỌC MINH TÚ	Nữ	14/03/2000	41002905	Khánh Hòa	2NT		8.22	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
69	K184020190	HỒ NGUYỄN TƯỜNG	Nam	08/12/2000	38007863	Gia Lai	1		8.09	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
70	K184020191	ĐOÀN THỊ LAN VY	Nữ	04/03/2000	47009569	Bình Thuận	1		7.89	Khá	K18402	Kinh tế quốc tế
71	K184020192	PHAN THỊ THÚY VY	Nữ	26/09/2000	44003862	Bình Dương	2		8.33	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
72	K184020193	NGUYỄN THỊ THANH YẾN	Nữ	11/10/2000	39008755	Gia Lai	2NT		8.44	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
73	K184020194	LÊ THỊ TRƯỜNG AN	Nữ	02/12/1999	44010942	TP. Hồ Chí Minh	2		8.60	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
74	K184020109	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	26/06/2000	16009805	Vĩnh Phúc	2		8.46	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
75	K184020122	TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	04/05/2000	29017521	Nghệ An	2NT		8.07	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
76	K184020151	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	10/07/2000	46000409	Tây Ninh		00	8.13	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
77	K184020195	LÊ TUẤN ANH	Nam	19/09/2000	42001384	Lâm Đồng	1		7.55	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế
78	K184020198	PHẠM NGỌC ĐẠT	Nam	27/05/2000	02044487	Lâm Đồng	3		7.22	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế
79	K184020199	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	Nữ	21/01/2000	37003861	Bình Định	2NT		8.38	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
80	K184020201	MAI THANH HẰNG	Nữ	24/10/2000	48018503	Đồng Nai		00	8.17	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
81	K184020202	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	17/11/2000	43001281	Bình Phước	1		7.63	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế
82	K184020203	HUỖNH THỊ THU HIỀN	Nữ	12/03/2000	34004060	Quảng Nam		00	8.71	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
83	K184020204	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	02/05/2000	36000092	Kon Tum		00	8.21	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
84	K184020205	QUÁCH GIA HUY	Nam	10/09/2000	46000223	Tây Ninh	2		7.80	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế
85	K184020207	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	04/12/2000	02004552	TP. Hồ Chí Minh		00	8.41	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
86	K184020209	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LIÊN	Nữ	25/01/2000	52001658	Bà Rịa - Vũng Tàu		00	8.42	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
87	K184020212	VŨ THỊ THỦY LINH	Nữ	11/05/2000	02029202	TP. Hồ Chí Minh		00	8.35	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
88	K184020214	BÙI THÀNH LỘC	Nam	29/10/1999	55004630	Cần Thơ	3		8.72	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
89	K184020215	HUỖNH PHÚ LỘC	Nam	02/01/2000	02045153	Long An	3		7.17	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
90	K184020221	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	Nữ	07/10/2000	52001941	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		8.39	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
91	K184020222	HỒ THỊ THẢO	QUYÊN	Nữ	10/04/2000	35004069	Quảng Ngãi	2		8.63	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
92	K184020223	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	THẮNG	Nam	08/12/2000	02045841	TP. Hồ Chí Minh	3		7.68	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế
93	K184020224	LÊ PHẠM MINH	THÚY	Nữ	11/09/2000	42008035	Lâm Đồng	1		8.63	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
94	K184020225	HÀ ANH	THƯ	Nữ	02/10/2000	34004217	Quảng Nam		00	9.07	Xuất sắc	K18402C	Kinh tế quốc tế
95	K184020226	NGUYỄN ĐÌNH AN	THƯ	Nữ	28/02/2000	02041157	TP. Hồ Chí Minh	3		8.70	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
96	K184020228	LÊ NGUYỄN NGỌC	TRÂN	Nữ	30/07/2000	02041218	TP. Hồ Chí Minh	3		7.92	Khá	K18402C	Kinh tế quốc tế
97	K184020231	ĐỖ PHẠM PHI	TRƯỜNG	Nam	23/02/2000	37006035	Bình Định	2		8.13	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế

Tổng cộng: 97


HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: TOÁN KINH TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K184131477	THÁI LÊ VĂN ANH	Nữ	16/02/2000	50006565	Đồng Tháp		00	7.25	Khá	K18413	Toán kinh tế
2	K184131479	TIÊU THÙY DUNG	Nữ	19/08/2000	60003557	Cà Mau		00	8.17	Giỏi	K18413	Toán kinh tế
3	K184131482	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	02/07/2000	36001275	Kon Tum	1		7.78	Khá	K18413	Toán kinh tế
4	K184131485	MAI THỊ KHÁNH HỒNG	Nữ	05/10/2000	41005730	Khánh Hòa	2	00	8.47	Giỏi	K18413T	Toán kinh tế
5	K184131486	HOÀNG THỤY VÂN KHANH	Nữ	16/11/2000	02031906	TP. Hồ Chí Minh	3		8.22	Giỏi	K18413T	Toán kinh tế
6	K184131488	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	08/01/2000	30003305	Hà Tĩnh	2NT		8.25	Giỏi	K18413T	Toán kinh tế
7	K184131489	PHẠM HOÀNG MINH LONG	Nam	10/02/2000	02060952	TP. Hồ Chí Minh	3		7.00	Khá	K18413	Toán kinh tế
8	K184131491	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	15/02/2000	48023137	Đồng Nai	1	00	8.27	Giỏi	K18413	Toán kinh tế
9	K184131492	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ	Nữ	15/03/2000	46002615	Tây Ninh	2NT		8.12	Giỏi	K18413	Toán kinh tế
10	K184131494	TRƯƠNG NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	Nam	03/08/2000	02048615	TP. Hồ Chí Minh	3		7.07	Khá	K18413	Toán kinh tế
11	K184131495	BÙI NGỌC HUỲNH NHƯ	Nữ	09/06/2000	50006846	Đồng Tháp		00	7.82	Khá	K18413	Toán kinh tế
12	K184131496	BÙI THỤY NGỌC NHƯ	Nữ	07/01/2000	53002901	Tiền Giang			7.89	Khá	K18413	Toán kinh tế
13	K184131502	BÙI NGUYỄN GIA THÁI	Nam	06/01/2000	37004032	Bình Định	2NT		6.80	Trung bình khá	K18413	Toán kinh tế
14	K184131505	NGUYỄN THỦY TIỀN	Nữ	02/07/2000	02022146	TP. Hồ Chí Minh	3		7.46	Khá	K18413	Toán kinh tế
15	K184131508	HỒ LÊ CẨM TÚ	Nữ	02/03/2000	53012854	Tiền Giang	2		7.42	Khá	K18413	Toán kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
16	K184131509	ĐẶNG TƯỜNG VI	Nữ	30/10/1999	50007074	Đồng Tháp		00	8.23	Giỏi	K18413	Toán kinh tế

Tổng cộng: 16



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K154070629	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	13/10/1997	HUI004721	Bình Phước	1		6.92	Trung bình khá	K15407	Quản trị kinh doanh
2	K154070656	VŨ KIM NGÂN	Nữ	21/03/1997	SPS012904	TP. Hồ Chí Minh	3		7.77	Khá	K15407	Quản trị kinh doanh
3	K154070680	ĐỖ HUỲNH PHÚ THỊNH	Nam	28/07/1997	TAG015335	An Giang	2NT	00	6.97	Trung bình khá	K15407	Quản trị kinh doanh
4	K154071518	HOÀNG MAI THY	Nữ	15/11/1996	DB0010	Lâm Đồng			7.01	Khá	K15407	Quản trị kinh doanh
5	K164072297	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	Nam	08/04/1998	TDL001671	Lâm Đồng	1		6.97	Trung bình khá	K16407	Quản trị kinh doanh
6	K164072299	NGÔ HOÀNG GIANG	Nam	09/04/1998	HUI002605	Đồng Nai	1		7.61	Khá	K16407	Quản trị kinh doanh
7	K174070772	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	02/08/1999	30002136	Hà Tĩnh	1		7.05	Khá	K17407	Quản trị kinh doanh
8	K174070814	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	31/12/1999	41001603	Khánh Hòa	2		7.23	Khá	K17407	Quản trị kinh doanh
9	K174070817	LÊ THANH VINH	Nam	05/08/1999	37003123	Bình Định	2NT		6.58	Trung bình khá	K17407	Quản trị kinh doanh
10	K184070817	CHU THỊ THANH BÌNH	Nữ	25/11/2000	41005372	Quảng Bình	2		8.38	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
11	K184070818	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	13/01/2000	51006339	An Giang			8.47	Giỏi	K18407T	Quản trị kinh doanh
12	K184070819	DƯƠNG THỊ HỒNG DIỆN	Nữ	01/08/2000	39004763	Phú Yên	2NT		7.42	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
13	K184070820	NGUYỄN CAO KỶ DUYÊN	Nữ	27/07/2000	43003108	Bình Phước			8.29	Giỏi	K18407T	Quản trị kinh doanh
14	K184070821	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	04/12/2000	39002927	Phú Yên	1		7.74	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
15	K184070822	PHAN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	01/01/2000	40005131	Đắk Lắk	1		7.75	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
16	K184070823	VÕ NGỌC	DƯỠC	Nam	18/01/2000	35009560	Quảng Ngãi	2NT		7.50	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
17	K184070824	ĐOÀN THÀNH	ĐẠT	Nam	07/10/2000	50001232	Đồng Tháp	2NT		8.04	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
18	K184070825	NGUYỄN NHẬT	ĐỨC	Nam	16/06/2000	41010187	Nghệ An	2		7.17	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
19	K184070826	ĐỖ KHÁNH	HÀ	Nữ	29/09/2000	44000352	Bình Dương	2		7.27	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
20	K184070829	NGUYỄN NGỌC	HÂN	Nữ	01/03/2000	60000570	Bạc Liêu			7.90	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
21	K184070830	VŨ THỊ	HOA	Nữ	27/02/2000	28026252	Thanh Hóa	2NT		8.21	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
22	K184070831	THÂN ĐỨC	HUY	Nam	12/10/2000	02031861	TP. Hồ Chí Minh		00	7.23	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
23	K184070832	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	Nữ	11/12/2000	37000183	Bình Định	2		7.82	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
24	K184070833	TRẦN ANH	KHOA	Nam	31/08/2000	35004540	Quảng Ngãi	2		6.90	Trung bình khá	K18407	Quản trị kinh doanh
25	K184070835	HUỖNH HOÀNG	LAM	Nữ	22/08/2000	02012888	TP. Hồ Chí Minh	3		8.43	Giỏi	K18407T	Quản trị kinh doanh
26	K184070836	LƯƠNG THỊ QUÍ	LÀNH	Nữ	19/02/2000	37010239	Bình Định	1		7.26	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
27	K184070837	LÊ THỊ ÁNH	LINH	Nữ	04/02/2000	53001543	Tiền Giang	2NT		8.11	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
28	K184070838	LÊ THÙY	LINH	Nữ	27/10/2000	31009264	Quảng Bình			8.26	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
29	K184070840	LÊ THỊ LY	LY	Nữ	04/11/2000	35007237	Quảng Ngãi			7.96	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
30	K184070841	PHẠM LÊ TUYẾT	MAI	Nữ	10/10/2000	40008665	Đắk Lắk	1		8.37	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
31	K184070842	ĐÀM QUANG	MINH	Nam	02/11/2000	54002597	Kiên Giang	2		8.26	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
32	K184070843	ĐOÀN THỊ	MINH	Nữ	07/06/2000	34006474	Quảng Nam	1		8.03	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
33	K184070844	NGUYỄN THỊ	MỸ	Nữ	24/01/2000	30008259	Hà Tĩnh	1		7.94	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
34	K184070845	CAO NỮ THẢO	NGÂN	Nữ	09/01/2000	32005942	Quảng Trị	2		7.79	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
35	K184070846	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	Nữ	28/10/2000	53000230	Vĩnh Long	2NT		7.88	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
36	K184070847	NGUYỄN VŨ BẢO	NGHI	Nữ	02/12/2000	52005868	Bà Rịa - Vũng Tàu		8.56	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
37	K184070849	NGUYỄN THỊ KIM	NGOC	Nữ	22/06/2000	57001967	Vĩnh Long	2	7.85	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
38	K184070850	LÊ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	Nữ	19/09/2000	39006201	Phú Yên	2NT	8.06	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
39	K184070851	VŨ THỊ MINH	NGUYỆT	Nữ	01/10/2000	48023149	Đồng Nai	1	8.03	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
40	K184070852	NGUYỄN MINH	NHẬT	Nam	24/06/2000	53007190	Tp. Hồ Chí Minh		7.72	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
41	K184070855	HUỖNH PHƯƠNG	NHI	Nữ	15/08/1999	48003119	Đồng Nai	2	8.55	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
42	K184070856	VŨ PHẠM BẢO	NHI	Nữ	24/06/2000	48009144	Đồng Nai	2	7.87	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
43	K184070860	TRẦN THỊ	NHUNG	Nữ	21/03/2000	35002606	Quảng Ngãi	2	7.81	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
44	K184070863	NGUYỄN THỊ HUỆ	PHƯƠNG	Nữ	28/07/2000	36000750	Kon Tum	1	7.90	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
45	K184070864	VŨ THỊ NHI	PHƯƠNG	Nữ	20/02/2000	32007083	Quảng Trị	2NT	8.23	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
46	K184070865	LÊ THỊ THU	PHƯƠNG	Nữ	01/04/2000	49011560	Long An	2NT	8.07	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
47	K184070870	LÊ NHẬT XUÂN	QUỖNH	Nữ	06/02/2000	35004770	Quảng Ngãi	2	7.55	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
48	K184070873	ĐẬU VIỆT	SỸ	Nam	25/02/2000	29017211	Nghệ An	2	8.60	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
49	K184070874	HUỖNH THỊ MINH	TÂM	Nữ	21/06/2000	42002303	Lâm Đồng	1	8.10	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
50	K184070876	NGUYỄN THÀNH	TÂM	Nam	20/12/2000	34004179	Quảng Nam	2	7.95	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
51	K184070877	TRUYỀN HOÀNG MINH	TÂM	Nữ	18/04/2000	48022005	Tp. Hồ Chí Minh	1	7.96	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
52	K184070879	LÊ KIM	THANH	Nữ	24/04/2000	64006080	Cần Thơ	1	8.16	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
53	K184070880	DƯƠNG THỊ	THAO	Nữ	15/08/2000	28026480	Thanh Hóa	1	8.29	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
54	K184070881	NGUYỄN HỮU	THÀNH	Nam	29/06/2000	53004224	Tiền Giang	2NT	8.47	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
55	K184070883	HOÀNG THỊ THANH THẢO	Nữ	11/04/2000	40016554	Đắk Lắk	1		7.76	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
56	K184070884	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	28/04/2000	40013293	Đắk Lắk	1		7.53	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
57	K184070885	CAO HỮU THỊNH	Nam	20/06/2000	59006522	Sóc Trăng	1		8.17	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
58	K184070886	PHẠM NGỌC Ý THƠ	Nữ	02/12/2000	41003967	Khánh Hòa	2NT		8.23	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
59	K184070887	LƯU THÚY TIÊN	Nữ	13/08/2000	51011809	An Giang		06	7.56	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
60	K184070890	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	11/09/2000	51004249	An Giang	2NT		7.92	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
61	K184070891	TRẦN DUY TỐI	Nam	16/10/2000	48023285	Bình Thuận	1		7.36	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
62	K184070892	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	28/02/2000	42011154	Lâm Đồng			8.17	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
63	K184070893	HỒ NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	14/07/2000	02023041	Tp.Hồ Chí Minh	3		8.33	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
64	K184070896	NGUYỄN THỊ TUỆ	Nữ	04/02/2000	35007426	Quảng Ngãi	2NT		8.06	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
65	K184070898	LÊ THÀNH TỶ	Nam	14/09/2000	61008676	Cà Mau	1		7.63	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
66	K184070900	TRẦN CÔNG VINH	Nam	11/09/2000	46001674	Tây Ninh	2	00	8.41	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
67	K184070901	TRẦN THẢO VY	Nữ	22/11/2000	49012613	Tp.Hồ Chí Minh	2NT		7.42	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
68	K184070902	NGUYỄN THANH VỸ	Nữ	18/06/2000	48000539	Quảng Ngãi	2		8.28	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
69	K184091219	TRƯƠNG LÊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	26/06/2000	44000548	TP. Hồ Chí Minh		00	7.77	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
70	K154070741	NGUYỄN PHẠM NHƯ Ý	Nữ	22/04/1997	QGS023781	Đồng Nai	2		7.20	Khá	K15407C	Quản trị kinh doanh
71	K174070836	PHÙNG VĨNH LÂN	Nam	17/01/1999	02001229	TP. HCM	3	06	7.65	Khá	K17407C	Quản trị kinh doanh
72	K174070855	VÕ TƯỜNG VY	Nữ	29/07/1999	55001082	Cần Thơ	3		7.67	Khá	K17407C	Quản trị kinh doanh
73	K184010033	PHẠM HOÀI NAM	Nam	28/01/2000	40016005	Đắk Lắk	1		7.21	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
74	K184060727	LÊ HOÀI LINH	Nam	21/05/2000	51003990	An Giang	2NT		7.70	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
75	K184070905	NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG ANH	Nữ	10/08/2000	46000037	Tây Ninh	2		8.18	Giỏi	K18407C	Quản trị kinh doanh
76	K184070907	ĐINH THỊ HẠNH DUYỀN	Nữ	17/09/2000	34009719	Quảng Nam	2		7.85	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
77	K184070908	NGUYỄN LÊ MỸ DUYỀN	Nữ	02/03/2000	42001465	Lâm Đồng	1		7.83	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
78	K184070909	ĐẶNG UYÊN HOÀNG DƯƠNG	Nữ	25/05/2000	44001483	Long An	2		7.98	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
79	K184070914	TRƯƠNG NGUYỄN THANH THẢO HUYỀN	Nữ	19/09/2000	53009983	Tiền Giang	2NT		7.53	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
80	K184070916	LÝ ĐẶNG THẢO KHANH	Nữ	10/02/2000	37008515	Bình Định	1		7.83	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
81	K184070918	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	20/10/2000	02042273	Tp.Hồ Chí Minh			8.20	Giỏi	K18407C	Quản trị kinh doanh
82	K184070919	NGUYỄN THỊ THANH LÝ	Nữ	25/01/2000	02045184	Tây Ninh	3		7.74	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
83	K184070923	DƯƠNG THỊ MỸ NGỌC	Nữ	22/05/2000	51000364	An Giang	2		7.46	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
84	K184070925	HOÀNG ĐỨC NHÂN	Nam	23/11/2000	44000985	Bình Thuận	1	01	7.24	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
85	K184070927	NGUYỄN BÙI TRANG NHUNG	Nữ	26/06/2000	35002604	Quảng Ngãi			7.88	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
86	K184070929	LÊ THỊ PHƯƠNG	Nữ	05/06/2000	28010978	Thanh Hóa	1		7.22	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
87	K184070930	NGUYỄN KIM HOÀNG QUYÊN	Nữ	17/08/2000	02034047	Tp. Hồ Chí Minh			7.52	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
88	K184070932	NGUYỄN PHÚ TÂN	Nam	22/08/2000	02045744	Long An	2		7.25	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
89	K184070933	NGUYỄN NHỰT THIÊN	Nam	01/10/2000	64006102	Cần Thơ	1		7.20	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
90	K184070934	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	Nam	12/07/2000	42000602	Lâm Đồng	1		8.42	Giỏi	K18407C	Quản trị kinh doanh
91	K184070935	PHẠM KIM THOA	Nữ	17/04/2000	41002856	Khánh Hòa	2NT		7.72	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
92	K184070936	LÊ THỊ NHẬT THU	Nữ	05/10/2000	02045935	Quảng Nam	3		8.02	Giỏi	K18407C	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
93	K184070938	PHẠM NGUYỄN ANH THY	Nữ	21/08/2000	52002116	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.94	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
94	K184070940	TRIỆU LÂM THANH TRÚC	Nữ	20/02/2000	02046161	Đồng Nai	3	06	7.26	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
95	K184070941	NGUYỄN HỮU TÚ	Nam	11/04/2000	48023879	Đồng Nai	2		7.23	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
96	K184070942	NGUYỄN THÙY VÂN	Nữ	02/05/2000	42001961	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		7.11	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
97	K184070943	TRẦN THỊ THÙY VY	Nữ	04/05/1999	55010622	Bình Thuận	1		7.34	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
98	K184070944	TRỊNH THỊ THẢO VY	Nữ	27/10/2000	37014646	Bình Định	2NT		7.10	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh
99	K184070945	LÊ CHĂM ANH	Nữ	13/02/2000	50007722	Đồng Tháp	2NT		7.63	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
100	K184070947	PHẠM THỊ HOÀNG ANH	Nữ	29/10/2000	44003923	Khánh Hòa	2		8.08	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
101	K184070949	TRẦN TỬ ANH	Nữ	24/11/2000	31009051	Quảng Bình			8.65	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
102	K184070951	NGUYỄN THÚY DIỄM	Nữ	01/01/2000	02049031	Tp. Hồ Chí Minh	3		8.45	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
103	K184070954	LÊ THỊ THU HUYỀN	Nữ	20/09/2000	02044814	Đồng Nai	3		7.53	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
104	K184070959	HOÀNG CÔNG MINH	Nam	12/02/2000	02038517	Khánh Hòa	2		7.65	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
105	K184070961	NGUYỄN THẢO NGÂN	Nữ	25/12/2000	46002626	Tây Ninh	2NT		7.80	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
106	K184070962	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	16/05/2000	58002608	Vĩnh Long	2		7.87	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
107	K184070964	TẠ NGỌC PHƯƠNG NGUYỄN	Nữ	08/01/2000	48000269	TP. Hồ Chí Minh	2		7.15	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
108	K184070966	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	22/07/2000	52000959	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		8.21	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
109	K184070967	NGUYỄN TOÀN SAO	Nam	29/07/2000	43003373	Bình Phước	1	00	7.99	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
110	K184070970	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	11/09/2000	02035146	Ninh Thuận	3		8.38	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
111	K184070971	LÊ ANH THƯ	Nữ	30/04/2000	37001096	Bình Định	2		7.45	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
112	K184070974	VÕ THANH	TRANG	Nữ	03/11/2000	48000463	Đồng Nai	2		8.43	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
113	K184070975	NGUYỄN NGỌC	TRẦN	Nữ	18/01/2000	55000476	Cần Thơ	2	00	8.75	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
114	K184070976	HUỖNH LONG	TÚ	Nam	22/10/2000	37000500	Bình Định	2	00	7.50	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh
115	K184070977	TRƯƠNG NGỌC NHƯ	UYÊN	Nữ	11/02/2000	41001547	Khánh Hòa	2		8.37	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
116	K184070978	LÊ THỊ YẾN	VY	Nữ	17/11/2000	44005285	Bình Dương	2		8.25	Giỏi	K18407CA	Quản trị kinh doanh
117	K184070979	NGUYỄN NGỌC HÀ	VY	Nữ	13/07/2000	02068267	TP. Hồ Chí Minh	3		7.27	Khá	K18407CA	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng: 117



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: MARKETING

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144101335	NGUYỄN HOÀNG MỸ	Nam	22/06/1995	3393	Quảng Ngãi	1		7.05	Khá	K14410	Marketing
2	K164102423	LÊ HUỖNH NI	Nữ	02/12/1998	YCT004907	Cà Mau	1		7.14	Khá	K16410	Marketing
3	K164102431	NGUYỄN THỊ THANH TỊNH	Nữ	30/06/1998	TDL009490	Quảng Ngãi	1		6.58	Trung bình khá	K16410	Marketing
4	K174101137	PHAN TẤN NHẤT KHOA	Nam	20/12/1999	42004502	Lâm Đồng	1	00	7.59	Khá	K17410	Marketing
5	K174101164	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/10/1999	28010466	Thanh Hóa	1		7.52	Khá	K17410	Marketing
6	K174101170	DƯƠNG THỊ BÍCH THU	Nữ	08/01/1999	37008918	Bình Định	2NT		7.49	Khá	K17410	Marketing
7	K184101248	PHAN THỊ THÚY AN	Nữ	09/09/2000	55007084	Trà Vinh	3		7.42	Khá	K18410	Marketing
8	K184101250	NGUYỄN HÀ QUỲNH ANH	Nữ	15/11/2000	43003058	Cần Thơ			7.33	Khá	K18410	Marketing
9	K184101251	TRẦN THỊ HẢI ANH	Nữ	07/12/2000	41010040	Thái Bình	2		8.07	Giỏi	K18410	Marketing
10	K184101252	VÕ NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	10/05/2000	40019856	Đắk Lắk	1		7.55	Khá	K18410	Marketing
11	K184101254	LÊ BỈ BỈ	Nam	02/02/2000	50010436	Đồng Tháp	2NT		8.01	Giỏi	K18410	Marketing
12	K184101255	ĐẶNG BẢO CHÂU	Nữ	02/07/2000	06000642	Cao Bằng	1	01	7.25	Khá	K18410	Marketing
13	K184101256	LÊ THỊ KIỀU DUYỀN	Nữ	15/12/2000	35008097	Quảng Ngãi	2NT		7.42	Khá	K18410	Marketing
14	K184101257	ĐỖ THỊ GIANG	Nữ	23/09/2000	44002710	Hà Nam	2		7.78	Khá	K18410	Marketing
15	K184101258	HUỖNH MINH TRÚC HÀ	Nữ	09/06/2000	02031772	TP. Hồ Chí Minh			7.29	Khá	K18410	Marketing
16	K184101259	THÁI THANH THÚY HÀ	Nữ	21/09/2000	53007676	Bến Tre	2		7.81	Khá	K18410	Marketing

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184101260	BÙI HÀ GIA HÂN	Nữ	05/11/2000	48015038	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT		7.60	Khá	K18410	Marketing
18	K184101266	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG KHÁNH	Nữ	05/08/2000	42000969	Lâm Đồng	1		8.02	Giỏi	K18410	Marketing
19	K184101271	HỒ THỊ THU MAI	Nữ	15/12/2000	63005300	Đắk Lắk	1		7.79	Khá	K18410	Marketing
20	K184101272	VŨ KHÁNH MAI	Nữ	03/05/2000	02033910	TP. Hồ Chí Minh			7.87	Khá	K18410	Marketing
21	K184101273	HOÀNG NGUYỄN THỊ HÀ MY	Nữ	02/12/2000	02055939	TP. Hồ Chí Minh	2		7.98	Khá	K18410	Marketing
22	K184101274	NGUYỄN THỊ HÀ MY	Nữ	04/06/2000	52001779	Thanh Hóa	2		7.31	Khá	K18410	Marketing
23	K184101275	LÊ GIA NGÂN	Nữ	02/07/2000	41004314	Khánh Hòa	2NT		7.91	Khá	K18410	Marketing
24	K184101276	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	Nữ	15/09/2000	52005880	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	00	7.92	Khá	K18410	Marketing
25	K184101278	DƯƠNG THẢO NGUYÊN	Nữ	05/12/2000	02027970	Lâm Đồng			7.91	Khá	K18410	Marketing
26	K184101279	TRẦN PHẠM HẠNH NGUYÊN	Nữ	03/11/2000	37003190	Bình Định	2NT		7.92	Khá	K18410	Marketing
27	K184101280	NGÔ NHƯ NGUYỆT	Nữ	08/09/2000	54002638	Kiên Giang	2	06	7.93	Khá	K18410	Marketing
28	K184101281	HÀN LÊ YẾN NHI	Nữ	02/06/2000	37000303	Bình Định	2		7.55	Khá	K18410	Marketing
29	K184101282	NGUYỄN THÚY NHI	Nữ	30/06/2000	02008255	TP. Hồ Chí Minh			8.42	Giỏi	K18410T	Marketing
30	K184101283	TRẦN THỊ NHƯ	Nữ	04/06/2000	40016215	Đắk Lắk	1		7.53	Khá	K18410	Marketing
31	K184101284	TRẦN THỊ HUỖNH NHƯ	Nữ	03/09/2000	49009833	Long An	2NT		8.03	Giỏi	K18410	Marketing
32	K184101286	LÊ THỊ PHƯỚC	Nữ	05/12/2000	28034632	Thanh Hóa	2NT		8.21	Giỏi	K18410	Marketing
33	K184101289	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	Nữ	23/08/2000	39007839	Phú Yên	2		7.88	Khá	K18410	Marketing
34	K184101293	NGÔ THỊ THIÊN THẢO	Nữ	20/12/2000	43007678	Hà Giang	1	00	8.72	Giỏi	K18410T	Marketing
35	K184101295	HUỖNH THỊ HỒNG THÚY	Nữ	20/12/2000	51001286	An Giang		00	7.10	Khá	K18410	Marketing
36	K184101298	NGUYỄN THỊ ANH THU	Nữ	02/11/2000	04000954	Đà Nẵng			7.28	Khá	K18410	Marketing
37	K184101300	NGUYỄN THỊ TÌNH	Nữ	02/03/2000	02034262	Bắc Ninh			8.18	Giỏi	K18410	Marketing

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
38	K184101301	ĐINH THỊ THÙY TRANG	Nữ	05/12/2000	40006446	Đắk Lắk	1		8.52	Giỏi	K18410	Marketing
39	K184101305	NGUYỄN LÊ THANH TRIỀU	Nữ	10/09/2000	48019536	Đồng Nai	1		7.75	Khá	K18410	Marketing
40	K184101308	NGUYỄN SĨ TUẤN	Nam	01/09/2000	36000403	Kon Tum	1		7.11	Khá	K18410	Marketing
41	K184101310	ĐẶNG HỒNG TƯƠI	Nữ	07/03/2000	29029329	Nghệ An	1		8.00	Giỏi	K18410	Marketing
42	K184101311	NGUYỄN THIÊN NHÃ UYÊN	Nữ	05/01/2000	42001317	Lâm Đồng	1		7.83	Khá	K18410	Marketing
43	K184101312	TRƯƠNG PHƯỚC THÀNH VĨNH	Nam	27/11/2000	33005091	Thừa Thiên Huế	2		7.59	Khá	K18410	Marketing
44	K184101313	LÊ HÀ VY	Nữ	29/11/2000	40019701	Đắk Lắk	1		7.27	Khá	K18410	Marketing
45	K184101315	HUỖNH HẢI YẾN	Nữ	01/01/2000	34009964	Quảng Nam	2		7.40	Khá	K18410	Marketing
46	K184101316	LÔ SÌU YẾN	Nữ	09/02/2000	48021634	Đồng Nai	1	01	8.01	Giỏi	K18410	Marketing
47	K174101201	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	28/12/1999	48011566	Đồng Nai	1		7.70	Khá	K17410C	Marketing
48	K174101205	TRẦN THỊ YẾN THANH	Nữ	10/01/1999	42001154	Lâm Đồng	1		7.28	Khá	K17410C	Marketing
49	K174101217	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	Nữ	12/11/1999	40011089	Đắk Lắk	1		7.44	Khá	K17410C	Marketing
50	K184101314	LƯƠNG THÚY VY	Nữ	13/09/2000	48019631	Đồng Nai		01	7.88	Khá	K18410C	Marketing
51	K184101317	LƯƠNG QUỐC BẢO	Nam	21/02/2000	02044253	Đồng Nai	3		6.79	Trung bình khá	K18410C	Marketing
52	K184101318	NGUYỄN ĐÌNH BẮC	Nam	15/11/2000	44003942	Tp. Hồ Chí Minh	2		8.03	Giỏi	K18410C	Marketing
53	K184101319	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	27/03/2000	52000496	Thái Bình	2		7.97	Khá	K18410C	Marketing
54	K184101321	NGUYỄN DUY	Nam	19/08/2000	02040685	TP. Hồ Chí Minh			8.03	Giỏi	K18410C	Marketing
55	K184101322	PHÙNG THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	02/01/2000	32002206	Quảng Trị	2		7.47	Khá	K18410C	Marketing
56	K184101323	TÔ NỮ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	05/04/2000	37002238	Bình Định	2		7.67	Khá	K18410C	Marketing
57	K184101324	VÕ NGỌC DUYÊN	Nữ	05/01/2000	46000120	Tây Ninh			7.90	Khá	K18410C	Marketing
58	K184101326	ĐẶNG NHẬT HẠ	Nữ	08/07/1998	34017266	Quảng Nam	2		8.06	Giỏi	K18410C	Marketing

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
59	K184101327	NGUYỄN HOÀN HOÀ	Nam	06/04/2000	40005228	Đắk Lắk	1		8.05	Giỏi	K18410C	Marketing
60	K184101328	LÊ THỊ HỒNG	Nữ	01/02/2000	02047163	TP. Hồ Chí Minh	3		8.26	Giỏi	K18410C	Marketing
61	K184101329	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	12/06/2000	36000153	Kon Tum			7.43	Khá	K18410C	Marketing
62	K184101330	BÙI THỊ NGỌC LAN	Nữ	30/03/2000	11002741	Bắc Kạn	1	01	7.79	Khá	K18410C	Marketing
63	K184101331	HOÀNG THỊ HUYỀN LINH	Nữ	03/01/2000	44002138	TP. Hồ Chí Minh	2		7.72	Khá	K18410C	Marketing
64	K184101333	TRẦN TRÚC LINH	Nữ	24/02/2000	42004632	Lâm Đồng	1		7.30	Khá	K18410C	Marketing
65	K184101336	PHAN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	04/09/2000	34009804	Quảng Nam	1		7.95	Khá	K18410C	Marketing
66	K184101337	NGÔ THỊ MÊ	Nữ	31/01/2000	39004261	Phú Yên	2NT		7.69	Khá	K18410C	Marketing
67	K184101338	TRẦN ANH MINH	Nữ	16/10/2000	48023615	TP. Hồ Chí Minh	2		8.07	Giỏi	K18410C	Marketing
68	K184101339	LÊ THỊ THU NGA	Nữ	12/02/2000	43003295	Bình Phước	1		7.71	Khá	K18410C	Marketing
69	K184101342	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	05/07/2000	52007203	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		8.07	Giỏi	K18410C	Marketing
70	K184101344	NGUYỄN HOÀNG LONG PHI	Nam	12/01/2000	43001588	Tp.Hồ Chí Minh	1		7.94	Khá	K18410C	Marketing
71	K184101345	NGÔ NGUYỄN VI PHỤNG	Nữ	07/12/2000	02066491	Đà Nẵng	3		7.77	Khá	K18410C	Marketing
72	K184101348	LÂM ANH THU	Nữ	30/11/2000	57002138	Vĩnh Long	2	00	7.88	Khá	K18410C	Marketing
73	K184101349	VŨ THỊ MINH THU	Nữ	05/01/2000	38003487	Gia Lai	1		7.80	Khá	K18410C	Marketing
74	K184101351	TRẦN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	22/09/2000	02034306	TP.Hồ Chí Minh			8.15	Giỏi	K18410C	Marketing
75	K184101353	NGUYỄN LÊ LONG TUYỀN	Nữ	03/03/2000	02003475	Tp.Hồ Chí Minh	3		8.26	Giỏi	K18410C	Marketing
76	K184101354	TRƯƠNG HUỶNH MINH UYÊN	Nữ	10/05/2000	34008056	Quảng Nam	2NT		7.47	Khá	K18410C	Marketing
77	K184101355	HOÀNG THẢO VY	Nữ	30/07/2000	02034486	TP. Hồ Chí Minh		00	7.58	Khá	K18410C	Marketing
78	K184101356	LÊ HOÀNG VY	Nữ	27/05/2000	02039031	TP. Hồ Chí Minh			8.00	Giỏi	K18410C	Marketing

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
79	K184101357	TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	05/03/2000	02034513	TP. Hồ Chí Minh		00	7.99	Khá	K18410C	Marketing

q Tổng cộng: 79

Chữ

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KINH DOANH QUỐC TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144081119	CAO TIẾN THÀNH	Nam	29/03/1993	1626	Bình Dương	2	00	7.15	Khá	K14408	Kinh doanh quốc tế
2	K174080916	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/01/1999	48022162	ĐỒNG NAI	2		7.04	Khá	K17408	Kinh doanh quốc tế
3	K174080917	HOÀNG THỊ THANH THẢO	Nữ	07/05/1999	32007408	QUẢNG TRỊ	2NT		7.58	Khá	K17408	Kinh doanh quốc tế
4	K184080981	ĐỖ NGỌC TRÂM ANH	Nữ	02/03/2000	02039086	Tp. Hồ Chí Minh	3		8.38	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
5	K184080982	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	03/02/2000	48006598	Đồng Nai	2	00	8.17	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
6	K184080984	NGUYỄN THỊ YÊN BÌNH	Nữ	07/11/2000	63000341	Đắk Lắk	1		8.77	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
7	K184080985	PHẠM MINH CHÂU	Nữ	03/02/2000	48008891	Đồng Nai	2		8.32	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
8	K184080986	PHẠM TRẦN LINH CHI	Nữ	01/09/2000	40012168	Đắk Lắk	1		7.55	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
9	K184080989	HOÀNG THỊ DUNG	Nữ	17/07/2000	43001181	Bình Phước	1		7.92	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
10	K184080990	PHAN HÒA DIỆU DUNG	Nữ	18/10/2000	35007103	Quảng Ngãi	2NT		8.15	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
11	K184080991	VÕ HUỖNH MỸ DUYÊN	Nữ	14/05/2000	53011122	Tiền Giang	2NT		8.60	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
12	K184080992	DƯƠNG THÙY DƯƠNG	Nữ	20/01/2000	49004122	Long An	2		7.75	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
13	K184080993	PHẠM THỊ THANH HẰNG	Nữ	27/02/2000	35008140	Quảng Ngãi	1		8.10	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
14	K184080994	ĐẶNG THỊ MỸ HẬU	Nữ	10/02/2000	40008247	Đắk Lắk		00	8.33	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
15	K184080997	PHẠM THỊ KIM HOÀNG	Nữ	08/06/2000	50010558	Đồng Tháp	2NT		7.79	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
16	K184080999	TRẦN ÁNH HUYỀN	Nữ	31/12/2000	48000872	Đồng Nai	2		7.27	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184081001	BÙI THỊ TỎ KHUYÊN	Nữ	15/12/2000	47009684	Bình Thuận	1		8.22	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
18	K184081002	LÊ THỊ NGỌC LAN	Nữ	17/04/2000	48026697	Đồng Nai	1		7.88	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
19	K184081005	BÙI NGỌC MỸ LINH	Nữ	15/09/2000	02038028	TP. Hồ Chí Minh	3		8.58	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
20	K184081006	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	16/11/2000	33009412	Thừa Thiên Huế	1		7.52	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
21	K184081007	HỒ THỊ BÍCH LOAN	Nữ	22/01/2000	35007229	Quảng Ngãi	2NT		8.55	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
22	K184081009	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	Nữ	20/01/2000	40008656	Đắk Lắk	1		8.45	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
23	K184081010	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Nữ	19/02/2000	30002230	Hà Tĩnh	1		7.89	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
24	K184081012	VÕ THỊ MỘNG MƠ	Nữ	08/06/2000	50006769	Đồng Tháp		00	8.25	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
25	K184081013	ĐẬU THỊ NGÀ	Nữ	02/01/2000	30008268	Hà Tĩnh	1		8.15	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
26	K184081014	NGUYỄN ĐÀO QUỲNH	Nữ	01/01/2000	35009687	Quảng Ngãi	2NT		8.22	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
27	K184081015	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	25/10/2000	29024980	Hà Tĩnh	2		8.28	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
28	K184081017	LÊ THỊ THANH NHÂN	Nữ	11/04/2000	52009254	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT		8.04	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
29	K184081018	LÊ ĐÌNH YẾN NHI	Nữ	11/01/2000	39002232	Phú Yên	2NT		8.09	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
30	K184081019	LÊ MỸ NHI	Nữ	01/05/2000	02032158	TP. Hồ Chí Minh	3		7.95	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
31	K184081023	PHAN NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	18/09/2000	52007196	Bà Rịa - Vũng Tàu			8.18	Giỏi	K18408T	Kinh doanh quốc tế
32	K184081024	NGUYỄN HUỶNH NY	Nữ	20/04/2000	37004407	Bình Định	2NT		7.78	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
33	K184081026	LÊ MINH TẤN	Nam	08/12/2000	43002889	Bình Dương	1		7.51	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
34	K184081027	NGUYỄN THẠCH THẢO	Nữ	19/05/2000	35000607	Quảng Ngãi	2NT	00	8.16	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
35	K184081028	TRẦN THỊ ANH THẢO	Nữ	03/01/2000	35008351	Quảng Ngãi	2NT		8.15	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
36	K184081031	PHẠM THỊ THANH THÚY	Nữ	03/07/2000	57002135	Vĩnh Long	2		7.97	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
37	K184081032	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	24/09/2000	02047950	TP. Hồ Chí Minh	3		7.97	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
38	K184081033	NGUYỄN MINH THU	Nữ	07/09/2000	53005182	Tiền Giang	2NT		8.42	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
39	K184081034	PHAN NGUYỄN ANH THU	Nữ	17/09/2000	64001869	Cần Thơ	2		8.09	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
40	K184081035	TRẦN HUỖNH ANH THU	Nữ	20/06/2000	49006433	TP. Hồ Chí Minh		00	8.20	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
41	K184081038	NGUYỄN THỊ AN TIÊN	Nữ	11/02/2000	43003449	Bình Phước		00	8.30	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
42	K184081042	TRẦN HUYỀN TRẦN	Nữ	02/10/2000	53012816	Tiền Giang	1		8.39	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
43	K184081043	NGUYỄN HỮU TRUNG	Nam	06/07/1999	02078247	Bắc Ninh	3		8.10	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
44	K184081045	NGUYỄN PHƯƠNG TRÚC	Nữ	29/06/2000	52008816	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	8.05	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
45	K184081048	LÊ THỊ CẨM TÚ	Nữ	30/03/2000	50011013	Đồng Tháp	2NT		7.50	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
46	K184081051	PHẠM THỊ VÂN	Nữ	06/01/2000	36003093	Kon Tum	1		8.30	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
47	K184081052	TRẦN THỊ THÚY VI	Nữ	15/11/2000	35007036	Quảng Ngãi	2NT		8.28	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
48	K184081053	NGUYỄN LÊ TRÚC VY	Nữ	19/04/2000	57002237	Vĩnh Long	2		8.30	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
49	K184081054	NGUYỄN NGỌC LAN VY	Nữ	23/12/2000	02039038	TP. Hồ Chí Minh		00	8.62	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
50	K184081055	TRẦN THỊ BÍCH VY	Nữ	09/12/2000	39005920	Phú Yên	2NT		8.10	Giỏi	K18408	Kinh doanh quốc tế
51	K184081056	HỨA THỊ YÊN	Nữ	19/01/2000	40017850	Đắk Lắk	1	01	7.94	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
52	K184081077	HUỖNH TRẦN YÊN NHI	Nữ	19/03/2000	52005903	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	8.67	Giỏi	K18408T	Kinh doanh quốc tế
53	K184081971	SIHACHACK AMMALA	Nữ	07/11/1999	LHS00003	Laos		00	6.62	Trung bình khá	K18408	Kinh doanh quốc tế
54	K174080942	LÊ QUỐC KHÁNH	Nam	20/12/1999	39007195	PHÚ YÊN	2		7.45	Khá	K17408C	Kinh doanh quốc tế
55	K184081025	PHẠM THỊ ĐỎ QUYÊN	Nữ	17/12/2000	53010311	Tiền Giang	2NT		8.16	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
56	K184081058	LÊ THỊ HẢI YÊN	Nữ	09/11/2000	02046408	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	00	7.69	Khá	K18408C	Kinh doanh quốc tế
57	K184081059	TRẦN ĐOÀN KIỀU DUNG	Nữ	19/03/2000	61000947	Cà Mau	2		8.27	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
58	K184081060	ĐẶNG THUY DƯƠNG	Nữ	20/02/2000	29026535	Nghệ An		00	8.32	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
59	K184081061	NGUYỄN TỬ HẢO	Nữ	15/11/2000	51013662	An Giang	2NT		8.11	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
60	K184081062	TRẦN GIA HÂN	Nữ	23/07/2000	02044619	TP. Hồ Chí Minh	3		7.67	Khá	K18408C	Kinh doanh quốc tế
61	K184081063	TRƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	11/12/2000	49006907	TP. Hồ Chí Minh	2NT		8.05	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
62	K184081064	DƯƠNG TRỌNG HIẾU	Nam	26/05/2000	02031818	TP. Hồ Chí Minh		00	8.15	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
63	K184081065	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	06/03/2000	02040800	TP. Hồ Chí Minh		00	8.18	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
64	K184081067	NGUYỄN HỮU XUÂN LỘC	Nam	03/11/2000	02010983	TP. Hồ Chí Minh		00	8.93	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
65	K184081069	LÊ LÝ LƯỢNG	Nam	03/05/2000	57007245	Cần Thơ	2NT		8.22	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
66	K184081070	NGUYỄN THỊ CẨM MUỘI	Nữ	18/09/2000	56004813	Bến Tre	1		8.49	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
67	K184081071	VŨ THỊ HỒNG MY	Nữ	27/10/2000	49009676	Hưng Yên	2NT		8.06	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
68	K184081072	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	14/10/2000	02032096	TP. Hồ Chí Minh		00	8.52	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
69	K184081073	PHẠM NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	23/07/2000	48023636	Đồng Nai		00	7.68	Khá	K18408C	Kinh doanh quốc tế
70	K184081074	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	24/07/2000	02045346	Tây Ninh	3		7.73	Khá	K18408C	Kinh doanh quốc tế
71	K184081075	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	Nữ	08/06/2000	46000416	Tây Ninh		00	8.46	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
72	K184081076	TRẦN THẢO NGUYỄN	Nữ	16/05/2000	53005601	Tiền Giang	2NT		8.08	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
73	K184081078	TRẦN HUỖNH YẾN NHI	Nữ	26/07/2000	48007738	Đồng Nai		00	8.67	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
74	K184081079	NGUYỄN THỤY HẠ NHIÊN	Nữ	09/07/2000	02032175	TP. Hồ Chí Minh	3		8.05	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
75	K184081080	NGUYỄN DƯƠNG LÊ OANH	Nữ	05/01/2000	30002291	Hà Tĩnh	1		8.04	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
76	K184081082	NGUYỄN THỊ MỸ QUỲNH	Nữ	29/05/2000	36000295	Kon Tum	1		8.28	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
77	K184081083	NGUYỄN THỊ THANH THƯ	Nữ	06/06/2000	02042524	Hà Nội	3		8.59	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
78	K184081084	NGUYỄN THÀNH TIẾN	Nam	31/05/2000	02047997	TP. Hồ Chí Minh	3		8.45	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
79	K184081085	PHẠM PHÚ TOÀN	Nam	21/10/2000	51006835	An Giang		00	8.10	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
80	K184081086	LÊ NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	16/10/2000	53008330	Tiền Giang	2		7.66	Khá	K18408C	Kinh doanh quốc tế
81	K184081087	TRẦN VŨ NGỌC TRÂN	Nữ	11/05/2000	48000475	Đồng Nai	2		8.28	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
82	K184081088	TRƯƠNG KHẢ TRÂN	Nữ	19/09/2000	57003409	Vĩnh Long	2NT		8.14	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
83	K184081089	BÙI HOÀNG TRUNG	Nam	22/10/2000	41006912	Khánh Hòa	2		8.48	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
84	K184081090	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	13/11/2000	49004622	Long An			7.50	Khá	K18408C	Kinh doanh quốc tế
85	K184081091	NGUYỄN THỊ KHÁNH VI	Nữ	05/04/2000	51014138	An Giang	2NT		8.07	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
86	K184081092	HỒ THỊ HẢI YẾN	Nữ	21/06/2000	33003824	Thừa Thiên Huế	2		8.19	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
87	K184081093	NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	02/09/2000	02009145	TP. Hồ Chí Minh		00	8.26	Giỏi	K18408C	Kinh doanh quốc tế
88	K164082370	ĐÀO XUÂN HÀ	Nữ	10/11/1998	XDT001807	Phú Yên	2		7.18	Khá	K16408CA	Kinh doanh quốc tế
89	K184081095	LÊ MINH ANH	Nữ	04/05/2000	55000566	Đồng Nai	2		8.64	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
90	K184081096	NGUYỄN MỸ ANH	Nữ	19/10/2000	50006562	Đồng Tháp			8.09	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
91	K184081097	NGUYỄN VĂN ÁNH	Nam	06/10/1999	37016936	Bình Định	2		8.37	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
92	K184081099	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	21/09/2000	44003983	Tp. Hồ Chí Minh	2		8.75	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
93	K184081101	PHAN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	17/03/2000	40010846	Đắk Lắk	1		8.04	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
94	K184081102	TRẦN NHƯ HẢO	Nữ	17/06/2000	60002874	Bạc Liêu	1	06	8.73	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
95	K184081103	LÊ QUANG HUY	Nam	14/09/2000	46000216	Tây Ninh			8.44	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
96	K184081104	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	30/08/2000	48000147	Đồng Nai	2		8.16	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
97	K184081106	PHẠM LÊ HOÀNG KHÁNH	Nữ	13/12/2000	52001623	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		8.35	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
98	K184081111	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	30/11/2000	03010288	Hải Phòng	3		7.93	Khá	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
99	K184081112	TRẦN HOÀI LINH	Nữ	02/03/2000	42001615	Lâm Đồng	1		8.52	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
100	K184081113	TRƯƠNG QUANG LONG	Nam	01/03/2000	02039589	Tp. Hồ Chí Minh	3		7.81	Khá	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
101	K184081114	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	04/10/2000	42004672	Lâm Đồng	1		7.83	Khá	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
102	K184081116	HUỖNH KIM NGÂN	Nữ	02/02/2000	46000382	Tây Ninh			8.25	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
103	K184081117	LÊ THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	03/08/2000	50006786	Đồng Tháp	2		8.21	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
104	K184081121	NGUYỄN THỊ VÂN OANH	Nữ	20/02/2000	29012487	TP. Hồ Chí Minh	1	01	8.05	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
105	K184081122	VÕ TRẦN MỸ QUYÊN	Nữ	08/03/2000	40018697	Đắk Lắk	1		8.00	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
106	K184081124	MAI TRẦN THANH THANH	Nữ	13/10/2000	48007005	Đồng Nai	2		8.66	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
107	K184081125	LÊ NHẬT THẢO	Nữ	07/02/2000	50011809	An Giang	2		8.02	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
108	K184081127	NGUYỄN THUY ANH THƯ	Nữ	24/12/2000	02045978	TP. Hồ Chí Minh	3		8.39	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
109	K184081130	TRỊNH HUYỀN TRANG	Nữ	26/06/2000	02046075	Đắk Lắk	3		8.05	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
110	K184081131	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	18/07/2000	02012730	TP. Hồ Chí Minh	3		8.01	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế
111	K184081136	PHẠM THỊ NGỌC VY	Nữ	02/07/2000	35004252	Quảng Ngãi			8.22	Giỏi	K18408CA	Kinh doanh quốc tế

Tổng cộng: 111



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

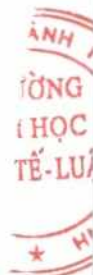
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K164112459	NGUYỄN PHẠM KIM THOA	Nữ	05/10/1998	NLS006492	Gia Lai	1		6.79	Trung bình khá	K16411	Thương mại điện tử
2	K174111248	NGUYỄN LƯU KIM KHÁNH	Nữ	21/08/1999	53005023	Tiền Giang	2NT		7.24	Khá	K17411	Thương mại điện tử
3	K174111250	ĐẶNG THỊ THU KIM	Nữ	12/10/1999	36000547	Kon Tum	1		7.59	Khá	K17411	Thương mại điện tử
4	K174111281	TĂNG THANH TRÚC	Nữ	07/01/1999	49004027	Long An			7.30	Khá	K17411	Thương mại điện tử
5	K174111289	LÊ HUỖNH PHƯƠNG YẾN	Nữ	05/01/1999	52005640	Đồng Nai	2NT		7.67	Khá	K17411	Thương mại điện tử
6	K184111364	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	25/01/2000	29007304	Nghệ An	2NT		8.45	Giỏi	K18411T	Thương mại điện tử
7	K184111366	LÊ HƯỚNG DƯƠNG	Nam	10/01/2000	37011866	Bình Định	2NT		7.58	Khá	K18411	Thương mại điện tử
8	K184111368	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	02/10/2000	56003755	Bến Tre	2NT		8.33	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
9	K184111375	NGUYỄN HUỖNH MỸ KHÁNH	Nữ	27/11/2000	57008729	Vĩnh Long	2NT		7.75	Khá	K18411	Thương mại điện tử
10	K184111379	PHẠM NHÃ LINH	Nữ	20/08/2000	51006497	An Giang			7.54	Khá	K18411	Thương mại điện tử
11	K184111380	NGUYỄN NGỌC LONG	Nam	13/06/2000	48019220	Đồng Nai	1		7.24	Khá	K18411	Thương mại điện tử
12	K184111382	BÙI THỊ KIM LƯỢNG	Nữ	18/10/2000	35001615	Quảng Ngãi	1		7.59	Khá	K18411	Thương mại điện tử
13	K184111384	NGUYỄN HẢI LY	Nữ	05/09/2000	42001037	Lâm Đồng	1		8.17	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
14	K184111387	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	Nữ	24/05/2000	37005509	Bình Định	2		8.25	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
15	K184111388	NGUYỄN THỊ KIỀU NGÀ	Nữ	02/06/2000	42001053	Lâm Đồng	1		8.15	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
16	K184111390	LÊ HIẾU NGÂN	Nữ	30/10/2000	56000229	Bến Tre			7.92	Khá	K18411	Thương mại điện tử

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184111392	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	01/02/1999	31003316	Quảng Bình	1		8.00	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
18	K184111393	TRẦN NGỌC KIM NGÂN	Nữ	10/04/2000	02011044	Đồng Nai			7.94	Khá	K18411	Thương mại điện tử
19	K184111397	BÙI THỊ LÂM NGỌC	Nữ	18/02/2000	40006137	Đắk Lắk	1		8.09	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
20	K184111405	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	09/08/2000	53005644	Tiền Giang	2NT		7.65	Khá	K18411	Thương mại điện tử
21	K184111410	TRẦN THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	01/09/2000	51002585	Cần Thơ	2NT		8.27	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
22	K184111413	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/11/2000	38007469	Gia Lai	1		8.02	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
23	K184111418	TRẦN THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	04/07/2000	32006421	Quảng Trị	2		8.34	Giỏi	K18411T	Thương mại điện tử
24	K184111420	NGUYỄN VINH THÁI	Nam	26/08/2000	57002075	Vĩnh Long			7.44	Khá	K18411	Thương mại điện tử
25	K184111423	NGUYỄN THỊ KIM THOA	Nữ	09/05/2000	35002718	Quảng Ngãi	2		7.82	Khá	K18411	Thương mại điện tử
26	K184111425	NGHIÊM THỊ CẨM THỦY	Nữ	03/07/2000	30011995	Hà Tĩnh	2NT		7.79	Khá	K18411	Thương mại điện tử
27	K184111426	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	04/04/2000	32005670	Quảng Trị	1		8.23	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
28	K184111427	NGUYỄN NGỌC THANH THY	Nữ	28/12/2000	45004802	Ninh Thuận	2		7.75	Khá	K18411	Thương mại điện tử
29	K184111429	TRẦN TRÍ TÍN	Nam	06/02/2000	51006831	An Giang			7.80	Khá	K18411	Thương mại điện tử
30	K184111430	HỒ DƯƠNG THỊ THU TRANG	Nữ	21/02/2000	34001402	Quảng Nam	2NT		8.13	Giỏi	K18411T	Thương mại điện tử
31	K184111431	NGUYỄN THỊ HỒNG TRÂM	Nữ	16/02/2000	37003363	Bình Định	2NT		8.28	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
32	K184111432	TRẦN THIÊN MỸ TRẦN	Nữ	22/03/2000	50007025	Đồng Tháp			7.57	Khá	K18411	Thương mại điện tử
33	K184111433	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG TRINH	Nữ	21/11/2000	48015913	Đồng Nai	2NT		8.14	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
34	K184111436	HUỲNH TRÍ VĨ	Nam	06/06/2000	51001407	An Giang			7.85	Khá	K18411	Thương mại điện tử
35	K184111440	TRỊNH TRÚC VY	Nữ	24/07/2000	50008208	Đồng Tháp	2NT		7.43	Khá	K18411	Thương mại điện tử
36	K184111381	TRẦN BÁ LONG	Nam	12/09/2000	52001726	Bà Rịa - Vũng Tàu			8.93	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
37	K184111442	LÊ TRẦN GIẢN ĐƠN	Nữ	27/10/2000	37003486	Bình Định			8.55	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
38	K184111450	HUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	15/02/2000	51010031	An Giang	2		8.28	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử



STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
39	K184111451	BẠCH VÕ HẠNH	NGUYỄN	Nữ	12/10/2000	42001688	Lâm Đồng	1		8.16	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
40	K184111461	NGUYỄN THỊ ANH	THẢO	Nữ	11/02/2000	57002097	Kiên Giang			8.20	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử

Tổng cộng: 40

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144040495	LÊ NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	16/11/1996	745	Sông Bé	2NT	00	6.96	Trung bình khá	K14404	Tài chính - Ngân hàng
2	K144040521	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	Nữ	23/01/1996	1043	Lâm Đồng	1		7.01	Khá	K14404	Tài chính - Ngân hàng
3	K144040614	LÊ TRÍ	Nam	19/08/1996	2066	Đồng Nai	2		7.42	Khá	K14404	Tài chính - Ngân hàng
4	K154040312	TRẦN THỊ THU CÚC	Nữ	22/04/1997	SPK001415	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.24	Khá	K15404	Tài chính - Ngân hàng
5	K154040389	PHẠM VÕ GIA TIẾN	Nam	08/11/1997	TDL015044	Lâm Đồng	1		7.35	Khá	K15404	Tài chính - Ngân hàng
6	K164040554	TÔ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/09/1997	DB000019	Lâm Đồng		00	7.10	Khá	K16404	Tài chính - Ngân hàng
7	K164042169	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	20/05/1998	DQN005020	Bình Định	2NT		6.96	Trung bình khá	K16404	Tài chính - Ngân hàng
8	K164042191	VƯƠNG THỊ THẢO	Nữ	06/02/1998	DMS003367	Đắk Lắk	1		7.17	Khá	K16404	Tài chính - Ngân hàng
9	K164042201	NGUYỄN NGỌC MỸ TRINH	Nữ	23/01/1998	HUI012693	Đồng Nai	1		6.25	Trung bình khá	K16404	Tài chính - Ngân hàng
10	K174040378	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	16/05/1999	53009345	Tiền Giang	2NT		7.46	Khá	K17404	Tài chính - Ngân hàng
11	K184040344	HOÀNG THỊ VÂN ANH	Nữ	10/02/2000	44008532	Bình Dương	2NT		7.50	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
12	K184040348	LÊ NGUYỄN MINH CHÂU	Nữ	27/04/2000	53007582	Tiền Giang	2		7.01	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
13	K184040355	NGUYỄN NGỌC QUỲNH GIAO	Nữ	23/04/2000	02037823	TP. Hồ Chí Minh	3		7.59	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
14	K184040356	DƯƠNG THỊ MINH HẰNG	Nữ	10/07/2000	18011051	Bắc Giang	2NT	00	6.78	Trung bình khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
15	K184040357	ĐỖ LÊ THU HẰNG	Nữ	19/06/2000	35008135	Quảng Ngãi	2NT		7.12	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
16	K184040359	HUỖNH PHẠM THU HIỀN	Nữ	01/01/2000	40003772	Đắk Lắk	1		8.06	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184040360	TRẦN THỊ DIỆU HIỀN	Nữ	01/12/2000	56000579	Bến Tre	2		7.33	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
18	K184040361	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	05/10/2000	37005786	Bình Định	2		8.05	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
19	K184040363	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	16/12/2000	40003142	Đắk Lắk	1		7.15	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
20	K184040365	LÊ HUỖNH HƯƠNG	Nữ	15/06/2000	56007688	Bến Tre		00	8.37	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
21	K184040366	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	30/10/2000	43001359	Bình Phước	1		8.45	Giỏi	K18404T	Tài chính - Ngân hàng
22	K184040367	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	03/05/2000	42000236	Thái Bình	1		7.14	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
23	K184040368	NGUYỄN THỊ CẨM HƯƠNG	Nữ	15/02/2000	49001570	Long An	2NT		7.95	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
24	K184040371	LÊ NHẬT MINH	Nam	04/01/2000	02032058	TP. Hồ Chí Minh	3		7.17	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
25	K184040372	NGUYỄN THỊ HUỖNH MY	Nữ	20/08/2000	38007714	Gia Lai	1		7.35	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
26	K184040374	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	02/02/2000	37012116	Bình Định	2NT		7.98	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
27	K184040379	ĐẶNG THỊ THẢO NHI	Nữ	25/04/2000	43003318	Bình Phước	1		7.31	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
28	K184040382	LÊ HỒNG NHUNG	Nữ	26/03/2000	39002236	Phú Yên	2NT		7.43	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
29	K184040385	BÙI PHẠM BÍCH PHƯƠNG	Nữ	12/09/2000	54005268	Kiên Giang	2NT		7.44	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
30	K184040388	CHÂU NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	22/08/2000	39006278	Phú Yên	2NT		7.70	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
31	K184040393	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	Nữ	13/07/2000	48007031	Đồng Nai		00	8.42	Giỏi	K18404T	Tài chính - Ngân hàng
32	K184040396	TRẦN NGỌC THỦY TIỀN	Nữ	30/09/2000	53000408	Vĩnh Long	2NT		7.76	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
33	K184040397	NGUYỄN TRẦN QUẾ TRÂM	Nữ	24/12/2000	02048047	TP. Hồ Chí Minh	3		7.89	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
34	K184040400	TRẦN THỊ NGỌC TRINH	Nữ	14/08/2000	41004073	Khánh Hòa	2NT		7.72	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
35	K184040401	CAO MINH TRÍ	Nam	10/06/2000	59001324	Sóc Trăng	1	01	7.45	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
36	K184040403	NGUYỄN HỮU MỘNG TUYỀN	Nữ	16/08/2000	02049980	TP. Hồ Chí Minh		00	7.84	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
37	K184040405	ĐINH VIỆT GIA VƯỢNG	Nam	14/08/2000	02034482	TP. Hồ Chí Minh		00	7.34	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
38	K184040406	TRẦN LÊ NHẬT VY	Nữ	21/12/2000	37003428	Bình Định	2NT		7.29	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
39	K184040411	PHAN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	06/06/2000	42010610	Lâm Đồng	1		7.79	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
40	K184040415	PHẠM THỊ LAN CHI	Nữ	29/06/2000	35008072	Quảng Ngãi	2NT		7.41	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
41	K184040416	VŨ THỊ KIỀU DIỄM	Nữ	09/04/2000	48007324	Đồng Nai	2		7.90	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
42	K184040419	NGUYỄN THỊ ĐỨC HẠNH	Nữ	19/02/2000	29031025	Nghệ An	1		7.03	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
43	K184040421	MAI NGỌC HÂN	Nữ	25/03/2000	02062429	TP. Hồ Chí Minh	3		7.78	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
44	K184040423	TRƯƠNG THỊ HIẾU	Nữ	28/01/2000	34011447	Quảng Nam	2		7.91	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
45	K184040425	LÊ THỊ NHƯ HUỲNH	Nữ	18/11/2000	56000151	Bến Tre	2		7.70	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
46	K184040426	PHẠM MAI HƯƠNG	Nữ	23/02/1998	02072708	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.35	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
47	K184040428	NGUYỄN THÚY KIỀU	Nữ	21/12/2000	37007702	Bình Định	2NT		7.68	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
48	K184040429	VŨ THẢO LINH	Nữ	06/09/2000	52001691	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.63	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
49	K184040430	ĐỖ THỊ ÁI LY	Nữ	11/08/2000	39006155	Phú Yên	2NT		8.31	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
50	K184040431	VÕ DƯƠNG ANH MINH	Nam	28/11/2000	02032742	Lâm Đồng	3		7.26	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
51	K184040432	NGUYỄN HUỲNH THÚY NGA	Nữ	09/03/2000	53000210	Đồng Tháp	2NT		8.10	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
52	K184040434	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	09/04/2000	52008572	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	8.18	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
53	K184040435	ĐỖ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	06/10/2000	52004123	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		8.47	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
54	K184040436	NGUYỄN QUANG NHỰT	Nam	22/04/2000	50007992	Đồng Tháp	2NT		7.91	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
55	K184040440	TRẦN THỊ QUỲNH	Nữ	19/11/2000	40016425	Đắk Lắk	1		7.33	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
56	K184040442	NGUYỄN THÀNH TÂN	Nam	21/10/2000	41013310	Khánh Hòa	2NT		8.61	Giỏi	K18404T	Tài chính - Ngân hàng
57	K184040444	VÕ THANH THẢO	Nữ	05/12/2000	47007361	Bình Thuận	2		7.60	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
58	K184040447	TỔNG THỊ HOÀI THU	Nữ	09/05/2000	02038737	TP. Hồ Chí Minh		00	7.78	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
59	K184040449	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	09/05/2000	46000668	TP. Hồ Chí Minh		00	8.08	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
60	K184040451	NGUYỄN THỤY THÚY TIỀN	Nữ	21/10/2000	02041183	TP. Hồ Chí Minh	3		8.01	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
61	K184040452	LÊ ĐỨC TÍNH	Nam	05/01/2000	48025118	Đồng Nai	2		6.91	Trung bình khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
62	K184040453	DƯƠNG NGỌC TRÂM	Nữ	22/07/2000	40016885	Đắk Lắk		00	7.80	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
63	K184040454	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	02/04/2000	39005450	Phú Yên	2NT		7.88	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
64	K184040455	TRẦN THỊ QUỲNH TRÂM	Nữ	05/07/2000	49007492	Long An		00	7.80	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
65	K184040459	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	21/12/2000	02038894	TP. Hồ Chí Minh		00	7.47	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
66	K184040460	TRẦN NGUYỄN DIỄM TRÚC	Nữ	22/01/2000	34009922	Quảng Nam	2		7.62	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
67	K184040461	PHẠM NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	30/09/2000	50004318	Đồng Tháp	2		7.71	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
68	K184040463	NGUYỄN MINH TÚ	Nam	31/07/2000	41005195	Tp. Hồ Chí Minh	2		8.25	Giỏi	K18404T	Tài chính - Ngân hàng
69	K184040465	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	Nữ	11/08/2000	02037538	Tây Ninh	3		8.00	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
70	K184040467	LÊ NGUYỄN THẢO VY	Nữ	06/08/2000	48023347	Đồng Nai	1		7.35	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
71	K184040468	LÊ THỊ TRÀ VY	Nữ	07/02/2000	39005914	Phú Yên	2NT		8.33	Giỏi	K18404	Tài chính - Ngân hàng
72	K184040469	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	21/05/2000	41000931	Khánh Hòa	2		7.80	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
73	K184040438	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	30/12/2000	02041055	TP. Hồ Chí Minh	3		7.43	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
74	K184040472	BÙI THỊ QUỲNH DAO	Nữ	13/11/2000	48006641	Đồng Nai	2		7.71	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
75	K184040475	LÊ LONG ĐỨC	Nam	01/04/2000	02034666	Tp. Hồ Chí Minh	3		7.45	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
76	K184040476	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	02/12/2000	47006955	Bình Thuận	2		8.00	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
77	K184040480	NGUYỄN NGỌC VÂN KHÁNH	Nữ	31/07/2000	46000258	Tây Ninh		00	7.82	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
78	K184040481	NGUYỄN LÊ HOÀNG LAN	Nữ	13/06/2000	37000197	Bình Định	2		7.47	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
79	K184040482	TRẦN THÀNH LONG	Nam	09/11/2000	61003963	Cà Mau	1		7.35	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
80	K184040483	TRẦN LÊ NHẬT MINH	Nam	08/09/2000	02032073	TP. Hồ Chí Minh	3		7.15	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
81	K184040484	TRẦN KHÁ MY	Nữ	18/12/1999	02077001	TP. Hồ Chí Minh	2		7.07	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
82	K184040485	LÝ THỊ KIM NGÂN	Nữ	10/02/2000	51006558	An Giang		00	8.15	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
83	K184040489	ĐẶNG MINH NGUYỆT	Nữ	04/05/2000	03012205	Hải Phòng	3		7.37	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
84	K184040491	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	18/05/2000	02032163	TP. Hồ Chí Minh		00	7.50	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
85	K184040492	TRƯƠNG NGỌC NHUNG	Nữ	23/10/2000	41013250	Khánh Hòa	2NT		8.10	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
86	K184040494	ĐỖ YẾN NHƯ	Nữ	22/11/2000	42001722	Lâm Đồng		00	8.13	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
87	K184040495	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	18/01/2000	02039795	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	00	7.50	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
88	K184040497	VŨ THỤY HỒNG PHƯỚC	Nữ	09/10/2000	38000370	Gia Lai	1		7.72	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
89	K184040498	VÕ XUÂN QUÝ	Nữ	24/06/2000	33004888	Thừa Thiên Huế	2		7.72	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
90	K184040499	NGUYỄN HOÀNG THU SƯƠNG	Nữ	03/04/2000	48006986	Đồng Nai	2		8.21	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
91	K184040500	BÙI TRẦN THANH THẢO	Nữ	08/04/2000	02042487	TP. Hồ Chí Minh		00	8.00	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
92	K184040501	LÊ ĐẶNG MINH THẢO	Nữ	11/11/2000	44004460	Bình Dương	2		7.57	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
93	K184040503	CAO KIM TIỀN	Nữ	07/12/2000	61007669	Cà Mau	1		7.52	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
94	K184040505	NGUYỄN QUỲNH TRÂM	Nữ	05/02/2000	02041210	TP. Hồ Chí Minh		00	8.25	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
95	K184040509	NGÔ NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	24/10/2000	02048163	TP. Hồ Chí Minh	3		7.35	Khá	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
96	K184040510	ĐINH THỊ THỦY VÂN	Nữ	06/11/2000	57002225	Vĩnh Long	2		8.39	Giỏi	K18404C	Tài chính - Ngân hàng
97	K184040515	NGUYỄN PHÚC ÁI	Nữ	02/06/2000	53012185	TP. Hồ Chí Minh	2		6.89	Trung bình khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
98	K184040519	NGUYỄN HẢI TIỂU HỒNG	Nữ	27/01/2000	02047164	Đồng Nai	3		8.30	Giỏi	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
99	K184040521	BÙI THỊ THU HUYỀN	Nữ	17/06/1999	42014432	Lâm Đồng	1		7.45	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
100	K184040529	TRẦN THỊ PHƯƠNG	NGA	Nữ	18/02/2000	49012878	Thanh Hóa	2NT		8.73	Giỏi	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
101	K184040531	NGUYỄN HIẾU	NGÂN	Nữ	26/09/2000	02047401	TP. Hồ Chí Minh	3		7.91	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
102	K184040532	DƯƠNG THỊ BẢO	NGỌC	Nữ	30/05/2000	41010542	Khánh Hòa	2		7.36	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
103	K184040533	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	Nữ	13/09/2000	38001462	Gia Lai	1		8.07	Giỏi	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
104	K184040534	NGUYỄN HỒNG YẾN	NHI	Nữ	13/11/2000	44004335	Tp. Hồ Chí Minh	2		8.54	Giỏi	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
105	K184040535	NGUYỄN THỰC	NHI	Nữ	04/10/2000	02002087	TP. Hồ Chí Minh	3		7.69	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
106	K184040536	VÕ MINH	PHÚC	Nữ	03/09/2000	46000509	Tây Ninh	2		7.07	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
107	K184040537	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	Nữ	12/11/2000	48007786	Đồng Nai	2		7.62	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
108	K184040538	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	Nữ	03/03/2000	02034134	TP. Hồ Chí Minh		00	8.41	Giỏi	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
109	K184040539	BÙI TRẦN MINH	THƯ	Nữ	21/03/2000	02000644	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.86	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
110	K184040541	TRẦN ĐẶNG THANH	TRÚC	Nữ	24/08/2000	51001359	An Giang	2		7.76	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
111	K184040542	LÊ HỮU	TUẤN	Nam	23/07/2000	44005211	Bình Dương	2		7.78	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
112	K184040546	TRƯƠNG THÚY	VI	Nữ	03/01/2000	48019619	Đồng Nai	1		7.50	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
113	K184040547	PHAN HỒ HẢI	YẾN	Nữ	15/04/2000	02062122	TP. Hồ Chí Minh	3		7.10	Khá	K18404CA	Tài chính - Ngân hàng
114	K174040316	TRỊNH BÁ	BÌNH	Nam	23/10/1998	02070733	Bắc Ninh	3		8.25	Giỏi	K17412	Tài chính - Ngân hàng
115	K174040355	MAI HOÀNG	LỘC	Nam	31/12/1999	02057716	Đồng Nai	3		7.16	Khá	K17412	Tài chính - Ngân hàng
116	K174040414	VÕ HẠNH	TIẾN	Nam	15/12/1999	47008955	Bình Thuận	2NT		7.29	Khá	K17412	Tài chính - Ngân hàng
117	K184040345	LÊ MINH	ANH	Nữ	07/08/2000	37002171	Bình Định	2		7.50	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
118	K184040346	LÊ THỊ VÂN	ANH	Nữ	10/01/2000	41010030	Khánh Hòa	2		7.23	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
119	K184040349	BIỆN MINH	CHÍNH	Nam	13/05/2000	39007087	Phú Yên	2		7.74	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
120	K184040351	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	Nữ	09/03/2000	52010389	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		7.90	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
121	K184040352	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	Nữ	23/10/2000	39005157	Phú Yên	2NT		7.89	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
122	K184040358	TRẦN THỊ THÚY	HÀNG	Nữ	08/07/2000	39007270	Phú Yên	2	00	7.47	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
123	K184040362	LÊ ĐÌNH	HUY	Nam	22/08/1999	39010213	Phú Yên	2		8.51	Giỏi	K18412	Tài chính - Ngân hàng
124	K184040373	TIÊU TÚ	MỸ	Nữ	24/09/2000	46002027	Tây Ninh	2NT	06	7.67	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
125	K184040375	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	Nữ	27/10/2000	47000429	Bình Thuận	2		7.37	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
126	K184040377	PHẠM KHÔI	NGUYỄN	Nam	02/11/2000	51002533	An Giang	2NT		7.35	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
127	K184040381	ĐÀO THỊ ÁNH	NHUNG	Nữ	12/04/2000	39006232	Phú Yên	2NT		7.56	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
128	K184040383	NGÔ THỊ QUỲNH	NHU	Nữ	23/05/2000	52011522	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		8.02	Giỏi	K18412	Tài chính - Ngân hàng
129	K184040390	PHẠM THỊ LỆ	QUỲNH	Nữ	28/03/2000	38001532	Gia Lai	1		7.41	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
130	K184040395	TRẦN THỊ THU	THÚY	Nữ	08/04/2000	42008995	Lâm Đồng	1		7.56	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
131	K184040399	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	Nữ	20/10/2000	52011053	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT		7.41	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
132	K184040402	PHAN NHẬT MINH	TRUNG	Nam	25/07/2000	42001921	Lâm Đồng	1		7.65	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
133	K184040414	NGUYỄN GIA	BÌNH	Nam	15/07/2000	46000062	Tây Ninh	2		6.73	Trung bình khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
134	K184040418	NGUYỄN THANH	HÀI	Nam	13/03/2000	02034678	Tp. Hồ Chí Minh	3		7.00	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
135	K184040427	VÕ TRẦN ANH	KHOA	Nam	04/05/2000	02044944	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.36	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
136	K184040437	NGUYỄN XUÂN	PHONG	Nam	13/03/2000	48017437	Đồng Nai	1		7.05	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
137	K184040441	TRẦN THANH	SƠN	Nam	24/12/1999	02045714	Khánh Hòa	3		7.30	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
138	K184040443	HÀ THỊ THU	THẢO	Nữ	16/11/2000	43001680	Bình Phước	1	01	7.57	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
139	K184040445	ĐÀO HỮU	THẠCH	Nam	06/04/2000	46000587	Tây Ninh		00	8.09	Giỏi	K18412	Tài chính - Ngân hàng
140	K184040456	NGUYỄN THỊ HÀ	TRINH	Nữ	28/05/2000	42006136	Lâm Đồng	1		7.85	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
141	K184040466	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	11/10/2000	48019022	Đồng Nai	2NT		7.22	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
142	K184040487	TRỊNH NGÂN LAM NGỌC	Nữ	30/10/2000	51006583	An Giang	2		7.68	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng

Tổng cộng: 142

HIỆU TRƯỞNG

 Hoàng Công Gia Khánh

TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 KINH TẾ - LUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KẾ TOÁN

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K154050507	DƯƠNG THÙY ÁI PHƯƠNG	Nữ	28/07/1997	TCT014935	Cần Thơ	1	00	6.41	Trung bình khá	K15405	Kế toán
2	K174050504	DƯƠNG THỊ THU HÀ	Nữ	23/05/1999	43000491	Bình Phước	1	01	7.60	Khá	K17405	Kế toán
3	K174050510	ĐỖ LÝ TRUNG HIẾU	Nam	08/12/1999	54006860	Kiên Giang	2	00	7.08	Khá	K17405	Kế toán
4	K184050548	NGUYỄN MAI XUÂN AN	Nữ	02/10/2000	56002730	Bến Tre	2NT		7.67	Khá	K18405	Kế toán
5	K184050549	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	10/08/2000	30010937	Hà Tĩnh	2NT		8.09	Giỏi	K18405	Kế toán
6	K184050555	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	05/09/2000	48000065	Đồng Nai	2		8.15	Giỏi	K18405	Kế toán
7	K184050556	VÕ THÀNH DUY	Nam	09/01/2000	43007400	Bình Phước	1		7.51	Khá	K18405	Kế toán
8	K184050558	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	07/10/2000	29027252	Nghệ An	2		7.40	Khá	K18405	Kế toán
9	K184050559	VÕ NGỌC MAI DUYÊN	Nữ	13/04/2000	50003826	Đồng Tháp			7.66	Khá	K18405	Kế toán
10	K184050560	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	14/01/2000	30011560	Hà Tĩnh	2NT		7.02	Khá	K18405	Kế toán
11	K184050561	HUỖNH THỊ THU HÀ	Nữ	16/10/2000	40007019	Đắk Lắk	1		8.29	Giỏi	K18405	Kế toán
12	K184050563	MAI THỊ HẰNG	Nữ	17/04/2000	34010946	Quảng Nam	1		8.12	Giỏi	K18405	Kế toán
13	K184050564	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	30/08/2000	36000086	Kon Tum		00	7.82	Khá	K18405	Kế toán
14	K184050565	TRẦN THỊ DIỆU HIỀN	Nữ	17/08/2000	43001300	Bình Phước	1		8.44	Giỏi	K18405	Kế toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
15	K184050566	BÙI THỊ QUỲNH HOA	Nữ	21/12/2000	44000454	Bình Dương	2		8.24	Giỏi	K18405	Kế toán
16	K184050567	LÊ THỊ HOÀI	Nữ	15/03/2000	30003240	Hà Tĩnh	2NT		8.28	Giỏi	K18405	Kế toán
17	K184050569	VŨ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	15/09/2000	48000140	Đồng Nai	2		8.10	Giỏi	K18405	Kế toán
18	K184050572	TRẦN LÊ AN KHANH	Nữ	21/02/2000	45000285	Ninh Thuận	2		8.10	Giỏi	K18405	Kế toán
19	K184050574	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	25/03/1999	33007650	Thừa Thiên Huế	2	00	7.79	Khá	K18405	Kế toán
20	K184050575	ĐỖ THỊ LAN	Nữ	11/08/2000	63000175	Đắk Lắk	1		7.96	Khá	K18405	Kế toán
21	K184050576	NGÔ THỊ LÊ	Nữ	02/11/2000	38006743	Gia Lai	1		8.08	Giỏi	K18405	Kế toán
22	K184050577	HỒ THỊ MỸ LỆ	Nữ	22/05/2000	36000633	Kon Tum	1		8.40	Giỏi	K18405	Kế toán
23	K184050579	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	01/06/2000	30002212	Hà Tĩnh	1		7.82	Khá	K18405	Kế toán
24	K184050581	PHÙNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	03/10/2000	63000190	Đắk Lắk	1		7.39	Khá	K18405	Kế toán
25	K184050582	NGUYỄN XUÂN MAI	Nữ	31/07/2000	42011535	Lâm Đồng	1		8.19	Giỏi	K18405	Kế toán
26	K184050583	VŨ TRỊNH QUỲNH MI	Nữ	25/01/2000	02052387	TP. Hồ Chí Minh	2		8.44	Giỏi	K18405	Kế toán
27	K184050584	ĐẶNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	02/09/1999	48004293	Hải Dương	2		7.91	Khá	K18405	Kế toán
28	K184050585	LÊ NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	16/10/2000	02024130	TP. Hồ Chí Minh	3		8.09	Giỏi	K18405	Kế toán
29	K184050586	TRƯƠNG THỊ THANH NGÂN	Nữ	30/01/2000	46007892	Tp. Hồ Chí Minh	2NT		7.60	Khá	K18405	Kế toán
30	K184050588	HOÀNG YẾN NHI	Nữ	13/02/2000	31004255	Quảng Bình	2		7.86	Khá	K18405	Kế toán
31	K184050590	ĐOÀN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	29/12/2000	31009371	Quảng Bình	2		7.62	Khá	K18405	Kế toán
32	K184050592	HUỲNH THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	10/02/2000	39005337	Phú Yên	2NT		8.07	Giỏi	K18405	Kế toán
33	K184050595	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	30/04/2000	41000759	Khánh Hòa	2		7.36	Khá	K18405	Kế toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
34	K184050598	ĐẶNG THỊ THÚY SANG	Nữ	07/12/2000	42010490	Lâm Đồng	1		8.16	Giỏi	K18405	Kế toán
35	K184050600	TÔ TRẦN BĂNG TÂM	Nữ	21/04/2000	40018814	Đắk Lắk	1		7.79	Khá	K18405	Kế toán
36	K184050601	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	27/02/2000	52010916	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT		7.80	Khá	K18405	Kế toán
37	K184050604	NGUYỄN TẤN THÔNG	Nam	06/04/2000	02024665	TP. Hồ Chí Minh	3		7.91	Khá	K18405	Kế toán
38	K184050608	TRỊNH THỊ THANH THÚY	Nữ	20/03/2000	40016715	Đắk Lắk	1		8.30	Giỏi	K18405	Kế toán
39	K184050611	LÊ THỊ MINH TIỀN	Nữ	17/06/2000	47004833	Bình Thuận	1		7.80	Khá	K18405	Kế toán
40	K184050615	VƯƠNG NGỌC TRÂM	Nữ	07/04/2000	41010967	Khánh Hòa	2		7.80	Khá	K18405	Kế toán
41	K184050616	VÕ NGỌC TRÚC	Nữ	16/03/2000	47009159	Bình Thuận	1		7.43	Khá	K18405	Kế toán
42	K184050618	ĐINH THỊ THU UYÊN	Nữ	08/09/2000	52009565	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	7.71	Khá	K18405	Kế toán
43	K184050620	PHẠM THỊ THÚY VÂN	Nữ	06/04/2000	52011785	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		7.71	Khá	K18405	Kế toán
44	K184050621	TRỊNH THẢO VI	Nữ	21/07/2000	61008873	Cà Mau	1		8.12	Giỏi	K18405	Kế toán
45	K184050664	PHAN THỊ TRÚC VY	Nữ	23/08/2000	37003425	Bình Định	2NT		8.17	Giỏi	K18405	Kế toán
46	K164052243	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/05/1998	TMA004049	Hà Nam	2		7.82	Khá	K17405C	Kế toán
47	K174050576	ĐỖ TRƯỞNG HOÀNG NA	Nữ	29/12/1999	02038117	Quảng Ngãi	3		7.23	Khá	K17405C	Kế toán
48	K174050578	HUỖNH NGỌC THẢO NGÂN	Nữ	13/10/1999	49003836	Long An			7.62	Khá	K17405C	Kế toán
49	K174050591	PHẠM NHẬT TẤN	Nam	29/07/1999	51001080	An Giang	2		6.41	Trung bình khá	K17405C	Kế toán
50	K174050595	ĐINH NHÃ UYÊN	Nữ	12/02/1999	02042108	Ninh Thuận	3		6.98	Trung bình khá	K17405C	Kế toán
51	K184050589	NGUYỄN THỊ DIỆU NHI	Nữ	28/01/2000	38007038	Gia Lai	1		7.83	Khá	K18405C	Kế toán
52	K184050628	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	02/02/2000	48007217	Đồng Nai	2		7.33	Khá	K18405C	Kế toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
53	K184050632	NGUYỄN HÀ CHI	Nữ	27/06/2000	31009068	Quảng Bình	2		8.73	Giỏi	K18405C	Kế toán
54	K184050633	NGUYỄN VÕ QUỲNH DAO	Nữ	29/11/2000	02031703	TP. Hồ Chí Minh		00	7.76	Khá	K18405C	Kế toán
55	K184050636	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	Nữ	22/07/2000	44002026	Nam Định		00	8.11	Giỏi	K18405C	Kế toán
56	K184050637	VÕ HOÀNG MINH HẰNG	Nữ	05/08/2000	37000681	Bình Định	2		7.83	Khá	K18405C	Kế toán
57	K184050638	LƯƠNG BẢO HÂN	Nữ	31/05/2000	56000108	Bến Tre		00	8.22	Giỏi	K18405C	Kế toán
58	K184050641	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	02/01/2000	02044815	An Giang	3		7.06	Khá	K18405C	Kế toán
59	K184050642	BÙI VÂN KHANH	Nữ	30/03/2000	48007543	Đồng Nai	2		7.90	Khá	K18405C	Kế toán
60	K184050645	TRẦN THỊ MỸ LINH	Nữ	12/09/2000	61003827	Cà Mau	1		7.45	Khá	K18405C	Kế toán
61	K184050654	PHẠM HÙNG SƠN	Nam	27/10/2000	48023742	Đồng Nai	2		8.11	Giỏi	K18405C	Kế toán
62	K184050657	LÊ PHAN MINH THU	Nữ	03/05/2000	02011670	TP. Hồ Chí Minh	3		8.21	Giỏi	K18405C	Kế toán
63	K184050659	PHẠM ĐỨC TIẾN	Nam	15/11/2000	02034250	TP. Hồ Chí Minh	3		7.72	Khá	K18405C	Kế toán
64	K184050660	HUỖNH QUÁCH NHI VI	Nữ	02/10/2000	39009942	Phú Yên	2		7.75	Khá	K18405C	Kế toán
65	K184050665	VŨ HẢI YẾN	Nữ	14/05/2000	52003740	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.99	Khá	K18405C	Kế toán
66	K174050617	NGUYỄN TRẦN TRỌNG NHÂN	Nam	15/11/1999	44000877	Bình Dương	2	00	6.53	Trung bình khá	K17405CA	Kế toán
67	K174050618	HUỖNH YẾN NHI	Nữ	16/02/1999	48005005	Đồng Nai	2	00	7.29	Khá	K17405CA	Kế toán
68	K184050666	LÂM HOÀI PHƯƠNG AN	Nữ	16/12/2000	02031599	TP. Hồ Chí Minh	3		7.32	Khá	K18405CA	Kế toán
69	K184050667	TRẦN THỊ NGỌC ANH	Nữ	10/12/2000	02044214	Ninh Bình	3		7.33	Khá	K18405CA	Kế toán
70	K184050669	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	29/10/2000	48007437	Đồng Nai			8.50	Giỏi	K18405CA	Kế toán
71	K184050674	TRẦN LAN KHÁNH	Nữ	05/07/2000	02004130	TP. Hồ Chí Minh	3		8.12	Giỏi	K18405CA	Kế toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
72	K184050675	PHAN THỊ KIM LÀI	Nữ	03/05/2000	02015156	Bình Định	3		7.45	Khá	K18405CA	Kế toán
73	K184050676	LÝ NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	27/10/2000	02038040	TP. Hồ Chí Minh	3		7.68	Khá	K18405CA	Kế toán
74	K184050678	VÕ THÙY LINH	Nữ	15/11/1999	32006213	Quảng Trị	2		7.94	Khá	K18405CA	Kế toán
75	K184050680	LÊ TIẾN LONG	Nam	15/04/2000	02038073	Đắk Lắk			7.37	Khá	K18405CA	Kế toán
76	K184050681	HÀ CHÚC LY	Nữ	28/06/2000	02038122	TP. Hồ Chí Minh	3		7.44	Khá	K18405CA	Kế toán
77	K184050683	NGUYỄN PHƯƠNG MINH	Nữ	31/08/2000	02045223	TP. Hồ Chí Minh	3		8.14	Giỏi	K18405CA	Kế toán
78	K184050684	VŨ THỊ HỒNG MINH	Nữ	04/11/2000	44004270	Thanh Hóa	2		8.32	Giỏi	K18405CA	Kế toán
79	K184050686	VÕ PHAN THANH NHÃ	Nữ	01/10/2000	02032144	TP. Hồ Chí Minh	3		7.94	Khá	K18405CA	Kế toán
80	K184050688	TRẦN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	04/01/2000	02034992	Tp. Hồ Chí Minh	3		8.02	Giỏi	K18405CA	Kế toán
81	K184050689	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Nam	10/02/2000	42010982	Cần Thơ	1		7.55	Khá	K18405CA	Kế toán
82	K184050691	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	25/12/2000	40014344	Đắk Lắk	1		7.42	Khá	K18405CA	Kế toán
83	K184050692	ĐỖ DIỆU SUNG	Nam	06/02/2000	02008685	TP. Hồ Chí Minh	3		7.70	Khá	K18405CA	Kế toán
84	K184050694	NGUYỄN LÊ VĨ TÂM	Nữ	18/01/2000	02034088	Trà Vinh	3		7.96	Khá	K18405CA	Kế toán
85	K184050695	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/01/2000	02034136	TP. Hồ Chí Minh		00	7.65	Khá	K18405CA	Kế toán
86	K184050696	ĐÀO PHẠM ĐỨC TOÀN	Nam	11/06/2000	02026037	Thái Bình			7.92	Khá	K18405CA	Kế toán
87	K184050697	NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG	Nữ	30/05/2000	02054278	Nghệ An	2		8.04	Giỏi	K18405CA	Kế toán
88	K184050698	MAI NGỌC TRINH	Nữ	25/12/2000	02034327	Quảng Bình	3		7.88	Khá	K18405CA	Kế toán
89	K184050699	LƯƠNG NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	04/04/2000	02061907	TP. Hồ Chí Minh		00	7.86	Khá	K18405CA	Kế toán
90	K184050700	VÕ MINH TRƯỜNG	Nam	22/12/2000	02000715	TP. Hồ Chí Minh	3		8.14	Giỏi	K18405CA	Kế toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
91	K184050701	NGUYỄN THỊ KIM UYÊN	Nữ	22/12/2000	48014853	Tp.Hồ Chí Minh	2NT		7.81	Khá	K18405CA	Kế toán
92	K184050702	LÊ LAN VY	Nữ	06/01/2000	35004997	Quảng Ngãi	2		7.83	Khá	K18405CA	Kế toán
93	K184050703	VÕ CHÂU YÊN	Nữ	16/03/2000	02062121	TP. Hồ Chí Minh		00	8.72	Giỏi	K18405CA	Kế toán
94	K184050704	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	20/01/2000	48021637	Đồng Nai	1		7.22	Khá	K18405CA	Kế toán

Tổng cộng: 94



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KIỂM TOÁN

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144091201	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	01/11/1996	2818	Hà Tĩnh	2	00	7.29	Khá	K14409C	Kiểm toán
2	K174091075	TRẦN NGUYỄN HOÀNG TRÂM	Nữ	26/08/1999	02034811	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.30	Khá	K17409	Kiểm toán
3	K184091137	TRẦN LÂM AN	Nữ	09/03/2000	38001174	Thanh Hóa	1		8.35	Giỏi	K18409	Kiểm toán
4	K184091139	NGUYỄN ĐẶNG DUY	Nam	09/04/2000	37015797	Bình Định	2NT		7.48	Khá	K18409	Kiểm toán
5	K184091142	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	06/05/2000	30002078	Hà Tĩnh	1		8.27	Giỏi	K18409	Kiểm toán
6	K184091144	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	28/01/2000	36000537	Kon Tum	1		8.05	Giỏi	K18409	Kiểm toán
7	K184091145	VÕ SÔNG NGÂN HÀ	Nữ	31/07/2000	42010697	Lâm Đồng			8.42	Giỏi	K18409T	Kiểm toán
8	K184091146	NGUYỄN THỊ MỸ HÀO	Nữ	04/08/2000	43003150	Tây Ninh	1		7.27	Khá	K18409	Kiểm toán
9	K184091147	HUỶNH THỊ PHƯƠNG HẠNH	Nữ	09/10/2000	48006705	Đồng Nai	2		8.42	Giỏi	K18409	Kiểm toán
10	K184091148	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	22/06/2000	51000916	Cần Thơ	2		8.50	Giỏi	K18409	Kiểm toán
11	K184091149	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	28/12/2000	41005648	Khánh Hòa	2		8.30	Giỏi	K18409	Kiểm toán
12	K184091150	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	19/01/2000	42010070	Lâm Đồng	1		8.38	Giỏi	K18409	Kiểm toán
13	K184091151	HUỶNH KIM HOA	Nữ	30/07/2000	37007645	Bình Định	2NT		8.26	Giỏi	K18409	Kiểm toán
14	K184091153	ĐỖ QUỐC KHẢI	Nam	14/02/2000	50003932	Đồng Tháp		00	9.06	Xuất sắc	K18409	Kiểm toán
15	K184091154	PHAN TÔN THỊ THIÊN KIM	Nữ	26/06/2000	49004278	Long An		00	8.32	Giỏi	K18409	Kiểm toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
16	K184091155	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	05/07/2000	02038035	TP. Hồ Chí Minh		00	8.17	Giỏi	K18409	Kiểm toán
17	K184091156	LÊ THỊ MỸ LINH	Nữ	10/02/2000	40001965	Đắk Lắk	1		8.94	Giỏi	K18409	Kiểm toán
18	K184091158	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	27/08/2000	40006012	Đắk Lắk	1		8.56	Giỏi	K18409	Kiểm toán
19	K184091160	PHẠM THỊ KIM LOAN	Nữ	02/10/2000	31007771	Quảng Bình	1		8.42	Giỏi	K18409T	Kiểm toán
20	K184091164	TRẦN THỊ TRÀ MY	Nữ	20/11/1999	39010281	Phú Yên	1		8.24	Giỏi	K18409	Kiểm toán
21	K184091165	LÊ THỊ NA	Nữ	11/10/2000	30011190	Hà Tĩnh	1	00	8.52	Giỏi	K18409	Kiểm toán
22	K184091166	BÙI THỊ KIM NGÂN	Nữ	09/04/2000	26001105	Thái Bình	2		8.21	Giỏi	K18409	Kiểm toán
23	K184091167	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	31/08/2000	37009887	Bình Định	1		7.97	Khá	K18409	Kiểm toán
24	K184091168	TRẦN THANH NGÂN	Nữ	27/06/2000	50006791	Đồng Tháp		00	7.68	Khá	K18409	Kiểm toán
25	K184091169	TRẦN THỊ NGÂN	Nữ	04/07/2000	51010015	An Giang	2		8.52	Giỏi	K18409	Kiểm toán
26	K184091170	NGÔ TRẦN BẢO NGỌC	Nam	05/08/2000	37000276	Bình Định	2		7.93	Khá	K18409	Kiểm toán
27	K184091175	NGUYỄN THỊ HUỖNH NHƯ	Nữ	01/07/2000	50007448	Đồng Tháp	2NT		7.68	Khá	K18409	Kiểm toán
28	K184091176	TRẦN QUỲNH NHƯ	Nữ	30/10/2000	37003232	Bình Định	1		8.37	Giỏi	K18409	Kiểm toán
29	K184091177	TRẦN NGÔ NGỌC OANH	Nữ	03/06/2000	47007239	Bình Thuận	2		7.63	Khá	K18409	Kiểm toán
30	K184091178	TRẦN LÊ QUANG PHÚ	Nam	12/09/2000	02024265	TP. Hồ Chí Minh	3		7.90	Khá	K18409	Kiểm toán
31	K184091179	DƯƠNG THỊ KIM PHƯƠNG	Nữ	18/10/2000	48012061	Đồng Nai	2NT		7.37	Khá	K18409	Kiểm toán
32	K184091180	BẠCH THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	04/06/2000	49007281	Long An	2NT		8.15	Giỏi	K18409	Kiểm toán
33	K184091181	NGUYỄN TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG	Nữ	14/02/2000	42004816	Lâm Đồng	1		8.45	Giỏi	K18409	Kiểm toán
34	K184091182	HỒ VĂN QUANG	Nam	04/11/2000	02045618	TP. Hồ Chí Minh		00	8.34	Giỏi	K18409	Kiểm toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
35	K184091183	NGUYỄN VĂN QUYẾT	Nam	20/01/2000	40003380	Đắk Lắk	1	06	8.08	Giỏi	K18409	Kiểm toán
36	K184091185	NGUYỄN TÚ SƯƠNG	Nữ	22/08/2000	47002626	Bình Thuận	2NT		7.78	Khá	K18409	Kiểm toán
37	K184091186	NGUYỄN HỮU TÀI	Nam	16/06/2000	46000569	Tây Ninh			8.48	Giỏi	K18409	Kiểm toán
38	K184091187	PHẠM THỊ THANH TÂM	Nữ	01/04/2000	37003277	Bình Định	2NT		8.17	Giỏi	K18409	Kiểm toán
39	K184091188	LÊ THỊ NGỌC THẢO	Nữ	15/10/2000	49004513	Long An	2		7.79	Khá	K18409	Kiểm toán
40	K184091190	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	07/03/2000	48007025	Đồng Nai		00	8.36	Giỏi	K18409	Kiểm toán
41	K184091191	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/01/2000	43003409	Bình Phước	1	01	7.21	Khá	K18409	Kiểm toán
42	K184091193	TRẦN CHIẾN THẮNG	Nam	08/03/2000	24004868	Hà Nam	2NT		7.46	Khá	K18409	Kiểm toán
43	K184091194	PHAN THỊ NHƯ THOA	Nữ	28/03/2000	42010241	Lâm Đồng	1		8.08	Giỏi	K18409	Kiểm toán
44	K184091196	LÊ THỊ XUÂN THƯƠNG	Nữ	22/11/2000	42011110	Lâm Đồng	1		8.55	Giỏi	K18409	Kiểm toán
45	K184091198	NGÔ THỊ THU TRANG	Nữ	28/07/2000	40002266	Đắk Lắk	1		8.27	Giỏi	K18409	Kiểm toán
46	K184091201	HUỖNH LIÊU TÚ TRINH	Nữ	12/04/2000	61008331	Cà Mau	2		8.27	Giỏi	K18409	Kiểm toán
47	K184091203	PHẠM NGUYỄN THỦY TRINH	Nữ	18/02/2000	02064881	Lâm Đồng	3		8.26	Giỏi	K18409	Kiểm toán
48	K184091204	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	Nam	02/02/2000	41006906	Khánh Hòa	2		8.32	Giỏi	K18409	Kiểm toán
49	K184091205	TRƯƠNG THANH TRÚC	Nữ	19/05/2000	51001362	Cần Thơ		00	8.17	Giỏi	K18409	Kiểm toán
50	K184091206	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	Nữ	20/08/2000	40013565	Đắk Lắk	1		8.25	Giỏi	K18409	Kiểm toán
51	K184091207	BÙI THỊ HỒNG VÂN	Nữ	19/01/2000	41001548	Khánh Hòa	2		8.31	Giỏi	K18409	Kiểm toán
52	K184091208	HUỖNH NỮ YẾN VĨ	Nữ	12/04/1998	DB000019	Bình Thuận		01	7.07	Khá	K18409	Kiểm toán
53	K184091210	LÊ HỮU TUẤN ANH	Nam	25/01/2000	32006509	Quảng Trị	2NT	00	8.97	Giỏi	K18409T	Kiểm toán
54	K184091228	PHẠM NHẬT QUYÊN	Nữ	19/05/2000	40016395	Đắk Lắk	1		9.00	Xuất sắc	K18409T	Kiểm toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
55	K154090948	ĐẶNG MINH ĐỆ	Nam	21/03/1997	QGS004064	Khánh Hòa	3		6.55	Trung bình khá	K15409C	Kiểm toán
56	K174040431	ĐỖ CHIÊM THÚY VINH	Nữ	30/07/1999	35010135	Quảng Ngãi	1		7.22	Khá	K17409C	Kiểm toán
57	K174091098	TRẦN LÂM	Nam	17/08/1999	46005797	Tây Ninh	2NT		7.60	Khá	K17409C	Kiểm toán
58	K174091114	NGUYỄN THỊ THÙY TIỀN	Nữ	23/02/1999	43008914	Bình Phước	1	00	7.66	Khá	K17409C	Kiểm toán
59	K184091211	PHẠM HÀ ANH	Nữ	18/03/2000	44003921	Thái Nguyên	3		7.69	Khá	K18409C	Kiểm toán
60	K184091212	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG DUNG	Nữ	10/09/2000	42000849	Lâm Đồng	1	06	7.86	Khá	K18409C	Kiểm toán
61	K184091214	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	12/08/1999	32007482	Quảng Trị	2		7.71	Khá	K18409C	Kiểm toán
62	K184091215	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	13/03/2000	42010055	Lâm Đồng	1		8.52	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
63	K184091221	LÊ PHAN NHẬT LINH	Nữ	06/12/2000	29008044	Nghệ An	2NT		8.35	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
64	K184091223	BÙI DIỄM MY	Nữ	29/02/2000	64005931	Hậu Giang		00	8.45	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
65	K184091225	PHẠM NHẬT NGUYỄN	Nữ	02/05/2000	45005387	Ninh Thuận	2		6.87	Trung bình khá	K18409C	Kiểm toán
66	K184091229	TRẦN HOÀNG QUYÊN	Nữ	20/07/2000	02004311	TP. Hồ Chí Minh	3		8.06	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
67	K184091230	VÕ THỊ SƯƠNG	Nữ	16/03/2000	40015146	Đắk Lắk	1		8.36	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
68	K184091231	ĐỖ THỊ THANH THẢO	Nữ	03/03/2000	45000595	Ninh Thuận	2		7.51	Khá	K18409C	Kiểm toán
69	K184091232	TRẦN HẠNH THẢO	Nữ	10/04/2000	57002101	Vĩnh Long		00	9.02	Xuất sắc	K18409C	Kiểm toán
70	K184091236	LÊ THỊ CẨM THÚY	Nữ	09/03/2000	40016712	Đắk Lắk	1		8.08	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
71	K184091237	LÊ NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	27/03/2000	53010441	Tiền Giang	2NT		8.18	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
72	K184091238	NGUYỄN NGỌC THẢO TRANG	Nữ	02/02/2000	42004093	Lâm Đồng	1		7.77	Khá	K18409C	Kiểm toán
73	K184091241	ĐINH NGUYỄN DIỆU UYÊN	Nữ	30/04/2000	36000409	Kon Tum	1		7.98	Khá	K18409C	Kiểm toán
74	K184091242	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	27/04/2000	02009028	TP. Hồ Chí Minh		00	9.03	Xuất sắc	K18409C	Kiểm toán

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
75	K184091243	TRẦN PHAN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	29/06/2000	02034449	TP. Hồ Chí Minh		00	7.48	Khá	K18409C	Kiểm toán
76	K184091244	TRẦN THẢO VY	Nữ	16/06/2000	02062102	TP. Hồ Chí Minh	3		8.63	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
77	K184091245	VÕ NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	20/11/2000	02005769	TP. Hồ Chí Minh		00	8.18	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
78	K184091246	PHÙNG THANH NHƯ XUÂN	Nữ	27/07/2000	02046401	Tiền Giang	3		7.73	Khá	K18409C	Kiểm toán
79	K184091247	HUỖNH THỦY NHƯ Ý	Nữ	15/12/2000	50004360	Đồng Tháp	2	00	8.50	Giỏi	K18409C	Kiểm toán

Tổng cộng: 79



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K164062263	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	16/04/1997	KSA003226	Bình Phước	1	00	6.78	Trung bình khá	K16406	Hệ thống thông tin quản lý
2	K184060707	ĐẶNG DƯƠNG GIA BẢO	Nam	16/11/2000	42010628	Bình Định	1		7.86	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
3	K184060715	PHẠM HOÀNG HUÂN	Nam	30/05/1999	30A00001	Đồng Tháp			7.55	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
4	K184060720	TRẦN NGỌC LIÊN HƯƠNG	Nữ	19/02/2000	02001740	TP. Hồ Chí Minh			7.88	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
5	K184060725	NGUYỄN NGỌC BÍCH KỶ	Nữ	26/08/2000	41010395	Khánh Hòa	2		8.22	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
6	K184060728	LÊ KIỀU LINH	Nữ	10/11/2000	35003934	Quảng Ngãi	2		8.26	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
7	K184060731	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ	Nữ	13/06/2000	52007117	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		8.34	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
8	K184060735	VIÊN KHÁNH MY	Nữ	09/11/2000	43003288	Bình Phước			7.87	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
9	K184060737	ĐỖ THỊ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	20/02/2000	42000373	Lâm Đồng	1		8.14	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
10	K184060741	HỒ THỊ TỎ NHI	Nữ	25/05/2000	33004803	Thừa Thiên Huế	2		8.81	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
11	K184060744	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	18/01/2000	52003361	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		8.12	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
12	K184060753	TRẦN HỮU THÁI	Nam	10/07/2000	40006336	Đắk Lắk	1		7.29	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
13	K184060757	LÝ NGỌC CÁT TIỀN	Nữ	15/09/2000	49004575	TP. Hồ Chí Minh			7.53	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
14	K184060759	VŨ ĐẠI TOÀN	Nam	11/05/2000	47003246	Bình Thuận	1		7.96	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
15	K184060764	NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	Nữ	28/07/2000	02034336	Đồng Nai			8.17	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
16	K184060766	NGUYỄN HỒ THIÊN TRÚC	Nữ	01/08/1999	02072472	TP. Hồ Chí Minh	3		8.24	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
17	K184060772	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	08/05/2000	40011218	Đắk Lắk	1		8.34	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
18	K184060773	PHẠM THANH HẢI VY	Nữ	22/09/2000	41007557	Khánh Hòa	2		7.97	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
19	K174060691	TRƯƠNG NGỌC THÚY VI	Nữ	13/05/1999	53007662	Tiền Giang	2	00	7.61	Khá	K17406C	Hệ thống thông tin quản lý
20	K174060706	LÊ THỊ NGỌC LIỄU	Nữ	28/07/1999	42004524	Bình Định	1		7.61	Khá	K17406C	Hệ thống thông tin quản lý
21	K174060709	TÔ NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	29/05/1999	35006741	Quảng Ngãi	2NT		7.74	Khá	K17406C	Hệ thống thông tin quản lý
22	K174060716	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	12/12/1999	54009073	Kiên Giang	2NT		7.56	Khá	K17406C	Hệ thống thông tin quản lý
23	K184060782	ĐẶNG VĂN ĐÔNG	Nam	16/10/2000	40005156	Đắk Lắk	1		7.50	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
24	K184060783	TRẦN KIM GIAO	Nữ	12/02/2000	02031771	TP. Hồ Chí Minh	3		8.23	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
25	K184060784	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HÀ	Nữ	05/01/2000	43002240	Bình Phước	1		7.47	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
26	K184060790	VŨ LÊ VĨ KHANG	Nam	28/01/2000	50007865	Đồng Tháp	2NT		7.61	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
27	K184060793	NGUYỄN TRÚC LOAN	Nữ	16/06/2000	48006821	Đồng Nai			8.29	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
28	K184060795	TRƯƠNG THỊ TUYẾT NGÀ	Nữ	06/10/2000	44002965	Bình Dương	2		8.43	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
29	K184060797	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG OANH	Nữ	29/03/2000	52005930	Đồng Nai	2NT		7.63	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
30	K184060798	NGUYỄN HÀ CÔNG PHÚ	Nam	23/04/2000	02045548	Đồng Nai	3		7.59	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
31	K184060802	LÂM THỊ HOÀI THANH	Nữ	09/12/2000	48007003	Đồng Nai	2		8.17	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
32	K184060807	ĐẶNG MINH THƯ	Nữ	11/03/2000	37004529	Bình Định	2NT		8.17	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
33	K184060808	HỒ THUY TIÊN	Nữ	22/01/2000	48010587	TP. Hồ Chí Minh	2NT		7.76	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
34	K184060811	TRỊNH THU HUYỀN TRANG	Nữ	20/08/2000	40001639	Đắk Lắk	1		8.31	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
35	K184060813	LÊ THANH UYÊN	Nữ	28/11/2000	56003401	Bến Tre	2NT		7.72	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý

Tổng cộng: 35



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: LUẬT

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K155031548	RCOM H'DRIM	Nữ	29/12/1996	DB0038	Gia Lai			6.93	Trung bình khá	K15503	Luật
2	K165031876	KA HUI	Nữ	27/06/1997	DB000015	Lâm Đồng			6.30	Trung bình khá	K16503	Luật
3	K165032599	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	12/08/1997	KSA004785	Thanh Hóa	2NT	00	7.22	Khá	K16503	Luật
4	K175031638	HỒ THỊ CẨM THÚY	Nữ	20/03/1999	35002975	QUẢNG NGÃI	2		7.29	Khá	K17503	Luật
5	K185031754	NGUYỄN NGỌC QUÊ ANH	Nữ	27/09/2000	49002471	Long An	2		8.33	Giỏi	K18503	Luật
6	K185031756	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	10/05/2000	48006600	Đồng Nai			8.13	Giỏi	K18503	Luật
7	K185031757	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/04/2000	29003766	Nghệ An	1		7.67	Khá	K18503	Luật
8	K185031758	VÕ TRẦN KHÁNH BĂNG	Nữ	02/09/2000	37000583	Bình Định			7.73	Khá	K18503	Luật
9	K185031760	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	02/10/2000	34006329	Quảng Nam	1		7.85	Khá	K18503	Luật
10	K185031765	PHAN NGUYỄN THỦY DUNG	Nữ	06/11/2000	53009810	Tiền Giang	2NT		7.27	Khá	K18503	Luật
11	K185031768	HỒ THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	25/01/2000	48021705	Đồng Nai	1		7.40	Khá	K18503	Luật
12	K185031770	NGUYỄN TẤN DƯƠNG	Nam	24/06/2000	44000263	Bình Dương	2		7.53	Khá	K18503	Luật
13	K185031771	LÊ TRƯỜNG GIANG	Nam	09/09/2000	50004484	Đồng Tháp	2		7.49	Khá	K18503	Luật
14	K185031772	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	18/09/2000	49008443	Đắk Lắk	2NT		7.56	Khá	K18503	Luật
15	K185031773	ĐOÀN NGUYỄN KIM HẢI	Nữ	10/03/2000	56000100	Bến Tre			7.77	Khá	K18503	Luật

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
16	K185031774	ĐÀM HUY	HOÀNG	Nam	21/10/2000	43000172	Bình Phước	1	01	7.83	Khá	K18503	Luật
17	K185031776	LÝ ĐẠT	HUY	Nam	12/10/2000	48011849	Đồng Nai	2NT	06	7.32	Khá	K18503	Luật
18	K185031777	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	Nữ	16/11/2000	48023521	Đồng Nai	2		8.13	Giỏi	K18503	Luật
19	K185031778	BÙI THỊ LAN	HƯƠNG	Nữ	16/08/2000	40011514	Đắk Lắk	1	06	7.96	Khá	K18503	Luật
20	K185031784	NGUYỄN VĂN	MÔN	Nam	29/01/2000	51006535	An Giang		00	7.85	Khá	K18503	Luật
21	K185031785	ĐỖ TRÀ	MY	Nữ	15/01/2000	61004439	Cà Mau	1		7.83	Khá	K18503	Luật
22	K185031786	TRẦN THỊ HOA	NAM	Nữ	16/12/2000	43002770	Bình Phước	1	00	7.72	Khá	K18503	Luật
23	K185031790	ĐỖ CHÍ	NGUYỄN	Nam	08/03/2000	39007664	Phú Yên			8.06	Giỏi	K18503	Luật
24	K185031792	HUỖNH LÊ BÌNH	NHI	Nữ	16/12/2000	57001984	Tiền Giang			7.33	Khá	K18503	Luật
25	K185031793	TÔN NỮ YẾN	NHI	Nữ	30/03/2000	38003383	Gia Lai	1		7.53	Khá	K18503	Luật
26	K185031795	NGUYỄN THỊ KIM	NHUNG	Nữ	18/04/2000	31009367	Quảng Bình			7.59	Khá	K18503	Luật
27	K185031796	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHƯ	Nữ	21/10/2000	44001082	Bình Dương			7.14	Khá	K18503	Luật
28	K185031802	LÊ TRẦN NHẬT	QUỲNH	Nữ	21/05/2000	50006900	Đồng Tháp			7.63	Khá	K18503	Luật
29	K185031805	LƯƠNG HUỖNH CẨM	TIỀN	Nữ	25/03/2000	51006819	An Giang			7.61	Khá	K18503	Luật
30	K185031809	HUỖNH THỊ TỐ	TRINH	Nữ	06/02/2000	34008428	Quảng Nam	2NT		7.35	Khá	K18503	Luật
31	K185031811	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	01/04/2000	56007989	Bến Tre	2NT		7.56	Khá	K18503	Luật
32	K185031812	ĐOÀN QUANG	TƯỜNG	Nam	28/10/2000	57004989	Vĩnh Long	2NT		7.21	Khá	K18503	Luật
33	K185031813	LÊ THỊ XUÂN	UYÊN	Nữ	17/02/2000	50007068	Đồng Tháp	2		7.60	Khá	K18503	Luật
34	K185031814	NGUYỄN NGỌC THANH	VÂN	Nữ	08/11/2000	52008859	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	7.66	Khá	K18503	Luật
35	K185031815	PHẠM THỊ THU	VÂN	Nữ	25/08/2000	02051903	TP. Hồ Chí Minh	2		8.10	Giỏi	K18503	Luật

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
36	K185031816	NGÔ NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	05/12/2000	02036130	TP. Hồ Chí Minh	3		7.39	Khá	K18503	Luật
37	K165031950	VŨ MINH HIẾU	Nam	26/03/1998	QSK002232	Bình Dương	2		6.59	Trung bình khá	K16503C	Luật
38	K185021664	NGUYỄN TRÚC NGÂN	Nữ	10/03/2000	44000901	Bình Dương		00	8.18	Giỏi	K18503C	Luật
39	K185031818	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH ANH	Nữ	27/10/2000	02000026	TP. Hồ Chí Minh	3		7.18	Khá	K18503C	Luật
40	K185031819	ĐỒNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	30/08/2000	18012088	Bắc Giang	1		7.53	Khá	K18503C	Luật
41	K185031821	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/12/2000	42010623	Lâm Đồng	1	06	7.41	Khá	K18503C	Luật
42	K185031824	TÔ HIẾU HẠNH	Nữ	18/08/2000	36000084	Kon Tum			8.02	Giỏi	K18503C	Luật
43	K185031825	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	06/01/2000	48006761	Nghệ An	2		7.48	Khá	K18503C	Luật
44	K185031826	NGUYỄN NGỌC LAN HƯƠNG	Nữ	31/10/2000	02025259	Tp. Hồ Chí Minh			8.07	Giỏi	K18503C	Luật
45	K185031830	LÊ VĂN LÂM	Nam	17/09/2000	02045008	Lâm Đồng	3		6.96	Trung bình khá	K18503C	Luật
46	K185031833	ĐỖ THÀNH LONG	Nam	05/03/2000	40015832	Đắk Lắk	1		7.23	Khá	K18503C	Luật
47	K185031834	LÊ VĂN LONG	Nam	09/04/2000	02022713	Tp. Hồ Chí Minh	3		7.92	Khá	K18503C	Luật
48	K185031835	HUỖNH TRÚC LY	Nữ	30/06/2000	02047347	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.71	Khá	K18503C	Luật
49	K185031837	PHẠM NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	15/10/2000	02027936	Tp. Hồ Chí Minh			7.38	Khá	K18503C	Luật
50	K185031838	TRẦN THỊ BẢO NGÂN	Nữ	28/03/2000	04007988	Đà Nẵng	3		8.10	Giỏi	K18503C	Luật
51	K185031839	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	04/02/2000	42001713	Tp. Hồ Chí Minh	1		7.27	Khá	K18503C	Luật
52	K185031841	TRƯƠNG PHẠM QUỲNH NHƯ	Nữ	15/04/2000	02063143	Quảng Nam	3		7.51	Khá	K18503C	Luật
53	K185031842	PHẠM NGUYỄN THUẬN PHÁT	Nam	07/09/2000	57002688	Vĩnh Long	2		7.78	Khá	K18503C	Luật
54	K185031845	PHAN THÚY QUỲNH	Nữ	05/01/2000	53006176	Tiền Giang		00	8.04	Giỏi	K18503C	Luật

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
55	K185031848	LÂM HÀ THUY TIÊN	Nữ	05/03/2000	02041181	Lâm Đồng		00	7.23	Khá	K18503C	Luật
56	K185031851	TRỊNH THỊ THUY TRANG	Nữ	19/10/2000	42007592	Lâm Đồng	1		7.81	Khá	K18503C	Luật
57	K185031853	PHẠM NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	09/02/2000	02054345	TP. Hồ Chí Minh	2	00	7.74	Khá	K18503C	Luật
58	K185031855	TRẦN PHƯƠNG VI	Nữ	05/12/2000	02046313	Lâm Đồng	3		7.16	Khá	K18503C	Luật
59	K185031856	LÊ NGUYỄN THẢO VY	Nữ	12/08/2000	02005729	TP. Hồ Chí Minh		00	8.03	Giỏi	K18503C	Luật
60	K165042007	TÔN THỊ MỸ LINH	Nữ	07/07/1997	TDV010240	Nghệ An	1		7.28	Khá	K16504	Luật
61	K165042022	ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	10/02/1998	DDK007489	Quảng Nam	1		7.22	Khá	K16504	Luật
62	K165042636	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	06/07/1998	DDK003455	Quảng Nam	1		7.27	Khá	K16504	Luật
63	K175041719	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	04/07/1999	01005431	HÀ NỘI	3		7.17	Khá	K17504	Luật
64	K185041861	TRƯƠNG CÔNG QUỐC BẢO	Nam	26/09/2000	02023734	TP. Hồ Chí Minh	3		8.03	Giỏi	K18504T	Luật
65	K185041863	VÕ THỊ LAN CHI	Nữ	06/07/2000	56009366	Bến Tre	2NT		7.54	Khá	K18504	Luật
66	K185041864	TRẦN THỊ KIM DUYÊN	Nữ	10/05/2000	43000085	Bình Phước	1		7.32	Khá	K18504	Luật
67	K185041865	TRẦN THỊ QUỲNH DUYÊN	Nữ	26/07/1999	41009100	Khánh Hòa	1		8.09	Giỏi	K18504	Luật
68	K185041866	LŨ NGUYỄN THUY DƯƠNG	Nữ	16/02/2000	41005490	Khánh Hòa	2		7.88	Khá	K18504	Luật
69	K185041867	TRẦN THỊ MỸ DƯƠNG	Nữ	05/06/2000	37015114	Bình Định	2NT		7.78	Khá	K18504	Luật
70	K185041868	TRƯƠNG NHẬT DƯƠNG	Nữ	09/06/2000	37000638	Bình Định	1		7.25	Khá	K18504	Luật
71	K185041870	HỒ NGỌC HƯƠNG GIANG	Nữ	14/10/2000	56000553	Bến Tre	2		7.74	Khá	K18504	Luật
72	K185041872	LÊ THANH HÀ	Nữ	22/11/2000	38000105	Gia Lai	1		7.82	Khá	K18504	Luật
73	K185041873	NGUYỄN MAI XUÂN HÀ	Nữ	29/07/2000	41005571	Khánh Hòa			8.02	Giỏi	K18504	Luật
74	K185041874	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	13/04/2000	40009389	Đắk Lắk	1		6.96	Trung bình khá	K18504	Luật

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
75	K185041877	ĐỖ NHÂN HẬU	Nam	20/12/2000	54005029	Kiên Giang	2NT		7.51	Khá	K18504	Luật
76	K185041879	LÊ THỊ NHƯ HOÀI	Nữ	08/10/2000	35003866	Quảng Ngãi			8.02	Giỏi	K18504	Luật
77	K185041880	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG	Nữ	16/11/2000	48000151	Đồng Nai	2		7.21	Khá	K18504	Luật
78	K185041881	HÀ NGỌC LINH	Nữ	28/09/2000	43001402	TP. Hồ Chí Minh	1		7.25	Khá	K18504	Luật
79	K185041882	LÝ NHẬT LINH	Nữ	26/04/2000	48011911	Đồng Nai	2NT		7.65	Khá	K18504	Luật
80	K185041883	NGUYỄN ĐẶNG MỸ LINH	Nữ	14/03/2000	50010639	Đồng Tháp	2NT		7.33	Khá	K18504	Luật
81	K185041884	PHAN NỮ PHƯƠNG LINH	Nữ	07/11/2000	31009272	Quảng Bình			7.43	Khá	K18504	Luật
82	K185041891	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	20/08/2000	48000297	Hà Tĩnh		00	7.95	Khá	K18504	Luật
83	K185041892	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	Nữ	11/05/2000	30008291	Hà Tĩnh	1		7.58	Khá	K18504	Luật
84	K185041894	NGÔ HOÀNG BẢO PHÚC	Nam	25/01/2000	02045563	Lâm Đồng	3		7.32	Khá	K18504	Luật
85	K185041897	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	27/12/2000	39009087	Phú Yên			8.03	Giỏi	K18504	Luật
86	K185041898	ĐẶNG THỊ BÍCH TÂM	Nữ	06/09/2000	56000315	Bến Tre			8.18	Giỏi	K18504	Luật
87	K185041899	NGUYỄN THÂN ĐỨC TÂM	Nam	11/04/2000	02001192	TP. Hồ Chí Minh			7.53	Khá	K18504	Luật
88	K185041904	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	26/03/2000	43006769	Bình Phước	1		7.22	Khá	K18504	Luật
89	K185041905	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/06/2000	37009991	Bình Định	1		7.78	Khá	K18504	Luật
90	K185041906	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	26/11/2000	56009241	Bến Tre	2NT	00	7.63	Khá	K18504	Luật
91	K185041911	NGUYỄN MINH THU	Nữ	13/06/2000	35004867	Quảng Ngãi	2		7.09	Khá	K18504	Luật
92	K185041912	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	18/07/2000	44001598	Bình Dương			6.83	Trung bình khá	K18504	Luật
93	K185041914	NGÔ CÔNG TOẠI	Nam	26/08/2000	02056687	TP. Hồ Chí Minh	2	00	7.33	Khá	K18504	Luật
94	K185041915	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	Nữ	31/12/2000	02016485	TP. Hồ Chí Minh	3		8.15	Giỏi	K18504	Luật

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
95	K185041921	BÙI THỊ THÚY VY	Nữ	07/04/2000	37003417	Bình Định	2NT		8.24	Giỏi	K18504	Luật
96	K185041922	LÊ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	12/08/2000	52008214	Bà Rịa - Vũng Tàu	1		8.25	Giỏi	K18504	Luật
97	K185041938	TRẦN HÀ MY	Nữ	26/04/2000	02042307	TP. Hồ Chí Minh			8.49	Giỏi	K18504T	Luật
98	K185041926	PHẠM THỊ THANH BÍCH	Nữ	08/01/2000	41010059	Khánh Hòa	2		7.60	Khá	K18504C	Luật
99	K185041927	TRỊNH DƯƠNG KIM CHI	Nữ	07/05/2000	48014486	Nam Định	2NT		7.90	Khá	K18504C	Luật
100	K185041931	ĐOÀN MAI HUYỀN	Nữ	08/01/2000	02012854	TP. Hồ Chí Minh	3		8.23	Giỏi	K18504C	Luật
101	K185041933	LÊ BẢO KHANH	Nữ	01/08/2000	02005258	TP. Hồ Chí Minh	3	00	8.69	Giỏi	K18504C	Luật
102	K185041934	LÊ ĐẠT LONG	Nam	25/01/2000	52001711	Bà Rịa - Vũng Tàu	2	00	7.57	Khá	K18504C	Luật
103	K185041937	LÂM NGỌC GIA MINH	Nữ	26/04/2000	53000199	TP. Hồ Chí Minh	2NT		7.84	Khá	K18504C	Luật
104	K185041942	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	Nữ	12/08/2000	41007829	Khánh Hòa	2		7.61	Khá	K18504C	Luật
105	K185041944	HỒ PHÚC NGUYỄN	Nữ	22/01/2000	33003385	Thừa Thiên Huế	2		8.29	Giỏi	K18504C	Luật
106	K185041946	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	12/05/2000	52001939	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.80	Khá	K18504C	Luật
107	K185041949	NGUYỄN NGỌC MINH TÂM	Nữ	30/12/2000	02056476	TP. Hồ Chí Minh	2	06	7.88	Khá	K18504C	Luật
108	K185041950	NGUYỄN HOÀI NGUYỄN THẢO	Nữ	19/05/2000	48023771	Đồng Nai	2		7.69	Khá	K18504C	Luật
109	K185041951	PHAN THỊ THANH THÚY	Nữ	22/03/2000	48023805	Đồng Nai	2		8.18	Giỏi	K18504C	Luật
110	K185041952	NGUYỄN ANH THU	Nữ	21/04/2000	39009643	Phú Yên	2		8.14	Giỏi	K18504C	Luật
111	K185041953	HUỶNH NGUYỄN NGÂN THY	Nữ	07/09/1999	02078186	TP. Hồ Chí Minh	3		7.78	Khá	K18504C	Luật
112	K185041954	TRẦN NGỌC THÚY TIỀN	Nữ	11/06/2000	52002120	Bà Rịa - Vũng Tàu			8.26	Giỏi	K18504C	Luật
113	K185041955	TRẦN NGỌC ĐAN TRÂM	Nữ	21/07/2000	02068146	TP. Hồ Chí Minh		00	8.79	Giỏi	K18504C	Luật

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
114	K185041956	LÊ NHƯ BẢO	TRẦN	Nữ	24/05/2000	02008912	TP. Hồ Chí Minh	3		7.90	Khá	K18504C	Luật
115	K185041958	HUỖNH HỒ NHƯ	UYÊN	Nữ	26/02/2000	45004931	Bến Tre			8.12	Giỏi	K18504C	Luật
116	K185041959	NGUYỄN ĐÀO THÚY	VY	Nữ	08/01/2000	46001318	Tây Ninh			7.77	Khá	K18504C	Luật

Tổng cộng: 116

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHKTL ngày 20/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: LUẬT KINH TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K145011487	HỒ THỊ THU HẰNG	Nữ	05/05/1996	531	Đắk Lắk	1		7.82	Khá	K14501	Luật Kinh tế
2	K175011330	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	04/06/1999	28019453	Thanh Hóa	2NT		7.40	Khá	K17501	Luật Kinh tế
3	K175011343	ĐỖ THỊ THU HÀ	Nữ	05/07/1999	42004383	Lâm Đồng	1	00	7.19	Khá	K17501	Luật Kinh tế
4	K175011365	NGUYỄN THỊ TRÚC MY	Nữ	06/12/1999	53006379	Tiền Giang			7.21	Khá	K17501	Luật Kinh tế
5	K175011395	VÕ DƯƠNG TRƯỜNG THỨC	Nam	02/09/1999	02057897	Đồng Nai	3		6.23	Trung bình khá	K17501	Luật Kinh tế
6	K175011400	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	23/02/1999	56009705	Bến Tre			7.36	Khá	K17501	Luật Kinh tế
7	K175011411	NGÔ TUẤN VŨ	Nam	15/08/1999	02038454	TP. HỒ CHÍ MINH	3		6.72	Trung bình khá	K17501	Luật Kinh tế
8	K185011512	DƯƠNG THỊ THẢO AN	Nữ	24/04/2000	51011355	An Giang	2NT		8.02	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
9	K185011514	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	03/06/2000	40019811	Đắk Lắk	1		7.32	Khá	K18501	Luật Kinh tế
10	K185011517	LÊ THỊ THANH BÌNH	Nữ	13/08/2000	52000483	Bắc Ninh			8.31	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
11	K185011518	NGUYỄN THỊ BÍCH CẨM	Nữ	20/01/2000	39007064	Phú Yên	2		8.06	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
12	K185011519	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	Nữ	09/05/2000	43001154	Bình Phước	1		7.67	Khá	K18501	Luật Kinh tế
13	K185011521	VƯƠNG THỊ THÚY DIỄM	Nữ	09/02/2000	34008539	Quảng Nam	1		7.96	Khá	K18501	Luật Kinh tế
14	K185011522	HOÀNG PHÚ HUYỀN DIỆU	Nữ	26/03/2000	42013820	Lâm Đồng	1		7.92	Khá	K18501	Luật Kinh tế
15	K185011525	HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	16/12/2000	43001207	Bình Phước	1		7.84	Khá	K18501	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
16	K185011526	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	03/12/2000	60000071	Bạc Liêu		00	7.74	Khá	K18501	Luật Kinh tế
17	K185011527	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	22/07/2000	40017475	Đắk Lắk	1	00	7.19	Khá	K18501	Luật Kinh tế
18	K185011528	HỒ NGUYỄN KHÁNH ĐOAN	Nữ	25/10/2000	41010178	Khánh Hòa		00	8.15	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
19	K185011529	TẦN TRÚC HẠNH ĐOAN	Nữ	13/11/2000	02033769	TP. Hồ Chí Minh		00	8.52	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
20	K185011530	PHAN CHÂU THU HÂN	Nữ	10/12/2000	51000909	An Giang	2		7.67	Khá	K18501	Luật Kinh tế
21	K185011531	NGUYỄN THỊ BÍCH HẬU	Nữ	03/06/2000	36000090	Kon Tum	1		7.02	Khá	K18501	Luật Kinh tế
22	K185011533	VĂN NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	10/09/2000	47001730	Bình Thuận	1	01	7.60	Khá	K18501	Luật Kinh tế
23	K185011535	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	02/09/2000	11002715	Bắc Kạn	1	01	7.35	Khá	K18501	Luật Kinh tế
24	K185011537	LÊ ĐÌNH HOÀNG HUY	Nam	04/07/1999	50014134	Đồng Tháp	2		8.13	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
25	K185011538	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	19/07/2000	53005455	Tiền Giang		00	8.43	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
26	K185011539	LƯU THỊ HƯƠNG	Nữ	01/01/2000	43000204	Bình Phước	1	01	7.72	Khá	K18501	Luật Kinh tế
27	K185011542	TRẦN THỊ KIM LIÊN	Nữ	12/01/2000	42000288	Lâm Đồng	1		8.15	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
28	K185011543	HUỖNH THỊ MỸ LINH	Nữ	16/01/2000	37002472	Bình Định	2		8.37	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
29	K185011544	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	23/02/2000	34006812	Quảng Nam	2NT		8.10	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
30	K185011545	ĐÌNH THỊ KIỀU MAI	Nữ	25/01/2000	40001993	Đắk Lắk	1	01	7.83	Khá	K18501	Luật Kinh tế
31	K185011546	TÔ GIA MÃN	Nữ	23/04/2000	56011079	Bến Tre	2NT		7.52	Khá	K18501	Luật Kinh tế
32	K185011547	LÊ THỊ MINH	Nữ	10/02/2000	37014267	Bình Định	2NT		7.86	Khá	K18501	Luật Kinh tế
33	K185011548	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG NAM	Nữ	10/02/2000	35003976	Quảng Ngãi			7.94	Khá	K18501	Luật Kinh tế
34	K185011549	LÊ ĐỖ THÚY NGÀ	Nữ	09/10/2000	02045284	Tây Ninh			7.48	Khá	K18501	Luật Kinh tế
35	K185011551	TRỊNH KIM NGỌC	Nữ	17/09/2000	36000233	Kon Tum	1		7.27	Khá	K18501	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
36	K185011553	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	Nữ	06/03/2000	64005993	Cần Thơ		00	7.92	Khá	K18501	Luật Kinh tế
37	K185011555	PHẠM YẾN NHI	Nữ	01/09/2000	41012836	Khánh Hòa	2NT		7.06	Khá	K18501	Luật Kinh tế
38	K185011557	LÊ HIỀN NHƯ	Nữ	02/08/2000	39008969	Phú Yên		00	8.51	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
39	K185011558	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/08/2000	42010963	Quảng Nam	1		7.43	Khá	K18501	Luật Kinh tế
40	K185011562	NGUYỄN HOÀNG NHƯ PHƯỢNG	Nữ	02/07/2000	39003663	Phú Yên	2NT		8.40	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
41	K185011563	ĐOÀN NGUYỆT QUẾ	Nữ	13/06/2000	49004453	Long An		00	8.09	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
42	K185011564	NGUYỄN VÕ XUÂN QUYÊN	Nữ	23/07/2000	41008085	Khánh Hòa	2		7.53	Khá	K18501	Luật Kinh tế
43	K185011565	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	21/02/2000	40016411	Đắk Lắk	1		7.44	Khá	K18501	Luật Kinh tế
44	K185011568	LÊ HỒNG UYÊN SAN	Nữ	31/08/2000	48006978	TP. Hồ Chí Minh		00	8.33	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
45	K185011570	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/09/2000	43001677	Bình Phước	1		7.65	Khá	K18501	Luật Kinh tế
46	K185011572	HUỶNH HOÀNG THỊNH	Nam	16/07/2000	61007230	Cà Mau	1		8.32	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
47	K185011573	PHẠM THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	09/04/2000	29027514	Nghệ An	2		7.66	Khá	K18501	Luật Kinh tế
48	K185011575	NGUYỄN NGỌC MINH THÚY	Nữ	20/08/2000	53008248	Tiền Giang	2		7.47	Khá	K18501	Luật Kinh tế
49	K185011576	CHIU NGUYỄN THƯ	Nữ	04/02/2000	42011095	Lâm Đồng	1	01	8.19	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
50	K185011577	HOÀNG THỊ THANH THƯ	Nữ	03/02/2000	34006943	Quảng Nam	1		8.24	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
51	K185011578	NGUYỄN THƯƠNG THƯ	Nữ	02/10/2000	35000661	Quảng Ngãi		00	8.53	Giỏi	K18501T	Luật Kinh tế
52	K185011579	HỒ THỊ THY THY	Nữ	25/07/2000	52009467	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT		7.79	Khá	K18501	Luật Kinh tế
53	K185011580	NGUYỄN THỊ LAN THY	Nữ	23/04/2000	49014074	Tp. Hồ Chí Minh	2NT		8.29	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
54	K185011583	LÊ THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	15/08/2000	50008685	Đồng Tháp	2NT		8.76	Giỏi	K18501T	Luật Kinh tế
55	K185011585	PHAN QUỐC TRỌNG	Nam	05/02/2000	61008407	Cà Mau	2		7.37	Khá	K18501	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
56	K185011586	TRẦN THỊ NHƯ TUỆ	Nữ	08/08/2000	41001527	Khánh Hòa	2		7.75	Khá	K18501	Luật Kinh tế
57	K185011587	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	26/03/2000	39005868	Phú Yên	2NT		7.77	Khá	K18501	Luật Kinh tế
58	K185011588	NGUYỄN THÙY VÂN	Nữ	10/01/2000	37001213	Bình Định		00	7.74	Khá	K18501	Luật Kinh tế
59	K185011589	TRẦN THỊ TUYẾT VÂN	Nữ	15/09/2000	50011038	Đồng Tháp	2NT		8.03	Giỏi	K18501	Luật Kinh tế
60	K185011590	BÙI LONG VIỆT	Nam	05/02/2000	42009441	Lâm Đồng	1		7.86	Khá	K18501	Luật Kinh tế
61	K185011591	NGUYỄN THÁI THẢO VY	Nữ	07/10/1999	36002034	Kon Tum	1		7.37	Khá	K18501	Luật Kinh tế
62	K185011592	NGUYỄN THỊ THÚY VY	Nữ	16/05/2000	50004352	Đồng Tháp		00	7.85	Khá	K18501	Luật Kinh tế
63	K185011593	NGUYỄN VÕ HỒNG VY	Nữ	30/04/2000	46008438	Tây Ninh	2NT		7.80	Khá	K18501	Luật Kinh tế
64	K185011611	VŨ PHẠM HUYỀN MỸ	Nữ	01/04/2000	02033931	Nam Định		00	8.94	Giỏi	K18501T	Luật Kinh tế
65	K185011614	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	26/08/2000	41006253	Khánh Hòa		00	8.60	Giỏi	K18501T	Luật Kinh tế
66	K165011685	NGUYỄN HOÀNG	Nam	28/09/1998	TTN004793	Đắk Lắk	1		6.16	Trung bình khá	K16501C	Luật Kinh tế
67	K175011415	ĐINH THỊ LAN ANH	Nữ	10/08/1999	48000005	Đồng Nai	2		7.77	Khá	K17501C	Luật Kinh tế
68	K175011435	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	15/12/1999	46004323	Tây ninh	1		7.70	Khá	K17501C	Luật Kinh tế
69	K185011594	VŨ TRƯỜNG AN	Nam	11/01/2000	42001377	Lâm Đồng		00	7.46	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
70	K185011596	VŨ HỒ QUẾ ANH	Nữ	27/09/2000	44000095	Bình Dương		00	7.60	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
71	K185011597	NGUYỄN CÔNG DANH	Nam	09/01/2000	41010101	Lâm Đồng	2		7.50	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
72	K185011602	PHẠM LINH GIANG	Nữ	28/05/2000	28000233	Thanh Hóa	2		8.40	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế
73	K185011603	NGÔ HÀ MINH HẰNG	Nữ	20/03/2000	36000085	Kon Tum	1		7.92	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
74	K185011604	NGUYỄN NGỌC HOÀNG HOA	Nữ	10/08/2000	02000196	TP. Hồ Chí Minh		00	7.74	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
75	K185011609	LÊ NHỰT MINH	Nam	13/08/2000	50008462	Đồng Tháp	2NT		8.10	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
76	K185011613	QUÁCH TÚ NGHI	Nữ	29/10/2000	49008596	An Giang	2NT		8.29	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế
77	K185011615	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	04/10/2000	43001514	Bình Phước	1		8.47	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế
78	K185011617	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	28/09/2000	02045451	Long An	3		7.32	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
79	K185011619	NGUYỄN NGỌC THANH PHƯƠNG	Nữ	30/08/2000	46000523	Tây Ninh		00	7.79	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
80	K185011620	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	01/11/2000	45000550	Ninh Thuận		00	7.91	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
81	K185011621	NGUYỄN THÊ SƠN	Nam	01/01/2000	02045712	Đồng Nai		00	7.26	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
82	K185011622	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/07/2000	02045818	Tiền Giang	3		7.79	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
83	K185011623	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/04/2000	04005934	Đà Nẵng	3		7.56	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
84	K185011624	HUỶNH ĐỨC THỊNH	Nam	25/11/2000	02040225	Bình Dương	3		7.91	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
85	K185011625	VÕ THỊ PHƯƠNG THƠ	Nữ	22/11/2000	35004127	Quảng Ngãi	1		7.56	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
86	K185011627	HUỶNH LÊ BẢO TRÂN	Nữ	29/03/2000	02038853	Quảng Nam		00	8.31	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế
87	K185011628	TRẦN QUỐC TUẤN	Nam	05/09/2000	35004212	Quảng Ngãi		00	7.69	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
88	K185011631	NGUYỄN THỊ THU VÂN	Nữ	13/11/2000	53005280	Tiền Giang	2NT		7.72	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
89	K185011632	TRẦN THỊ THUY VY	Nữ	24/09/2000	40003615	Đắk Lắk	1		7.87	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
90	K185011633	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	13/09/2000	40017843	Đắk Lắk	1		7.95	Khá	K18501C	Luật Kinh tế
91	K155021295	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Nam	01/01/1997	HUI018303	Bình Phước	1		7.15	Khá	K15502	Luật Kinh tế
92	K165022543	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/01/1998	HUI010600	Đồng Nai	2		6.79	Trung bình khá	K16502	Luật Kinh tế
93	K175021456	VÕ KHẮC DUY	Nam	21/12/1999	52002083	Bà Rịa - Vũng Tàu	2	00	7.00	Khá	K17502	Luật Kinh tế
94	K175021492	HOÀNG YẾN NHI	Nữ	01/10/1999	52001433	Bà Rịa - Vũng Tàu	2	00	6.63	Trung bình khá	K17502	Luật Kinh tế
95	K175021513	PHẠM THỊ HIỀN THƯƠNG	Nữ	22/05/1999	40016857	Đắk Lắk	1	00	7.49	Khá	K17502	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
96	K175021527	NGUYỄN MINH TÚ	Nữ	24/01/1999	53006681	Tiền Giang			8.16	Giỏi	K17502	Luật Kinh tế
97	K185021636	TRẦN NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	24/11/2000	41000964	Khánh Hòa	2	00	8.04	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
98	K185021637	ĐỖ THANH DANH	Nam	03/08/2000	02044349	Đồng Nai	2		7.48	Khá	K18502	Luật Kinh tế
99	K185021638	ĐỖ DUY CHÍ	Nam	05/08/2000	60000493	Bạc Liêu	1		7.25	Khá	K18502	Luật Kinh tế
100	K185021639	HUỖNH TRẦN NGỌC DIỆP	Nữ	27/09/2000	64005778	Cần Thơ		00	7.91	Khá	K18502	Luật Kinh tế
101	K185021640	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	09/09/2000	39007125	Hưng Yên	2	00	8.18	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
102	K185021641	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	04/04/2000	34006353	Quảng Nam	1		7.72	Khá	K18502	Luật Kinh tế
103	K185021642	PHẠM THỊ BẢO DUYỀN	Nữ	29/03/2000	35010644	Quảng Ngãi	1		7.81	Khá	K18502	Luật Kinh tế
104	K185021643	LÊ THỊ HỒNG ĐÀO	Nữ	06/10/2000	34004042	Quảng Nam	2		8.49	Giỏi	K18502T	Luật Kinh tế
105	K185021644	TẠ ANH ĐÀO	Nữ	16/05/2000	40017488	Đắk Lắk	1		7.65	Khá	K18502	Luật Kinh tế
106	K185021645	NGUYỄN HOÀNG GIANG	Nam	04/08/2000	02044538	TP. Hồ Chí Minh	3		8.13	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
107	K185021646	TRẦN NGUYỄN THU GIANG	Nữ	05/05/2000	41003484	Khánh Hòa	2NT		8.08	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
108	K185021647	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	15/10/2000	42007391	Lâm Đồng		00	8.16	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
109	K185021648	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	06/11/2000	34004056	Quảng Nam	2		8.28	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
110	K185021649	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	Nữ	20/06/2000	39001351	Phú Yên	1		7.83	Khá	K18502	Luật Kinh tế
111	K185021650	PHAN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	14/01/2000	54007817	Kiên Giang	2		7.73	Khá	K18502	Luật Kinh tế
112	K185021653	PHẠM TRẦN MAI HƯƠNG	Nữ	24/02/2000	37003089	Bình Định	2NT		7.75	Khá	K18502	Luật Kinh tế
113	K185021654	ĐÀO MINH HỮU	Nam	25/03/2000	41005855	Khánh Hòa	2		7.53	Khá	K18502	Luật Kinh tế
114	K185021658	NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	16/05/2000	42007459	Lâm Đồng	1		8.23	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
115	K185021659	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	18/12/2000	02047272	Nghệ An	3	00	7.63	Khá	K18502	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
116	K185021660	NGUYỄN TRÚC LINH	Nữ	05/05/2000	54002566	Kiên Giang			7.92	Khá	K18502	Luật Kinh tế
117	K185021661	TRẦN THỊ HÀ LINH	Nữ	08/11/2000	34004102	Quảng Nam	2		8.21	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
118	K185021663	LÊ THỊ HOÀNG NGÂN	Nữ	13/10/2000	52010701	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	00	7.98	Khá	K18502	Luật Kinh tế
119	K185021665	TRẦN THANH NGÂN	Nữ	01/05/2000	02032101	TP. Hồ Chí Minh		00	7.82	Khá	K18502	Luật Kinh tế
120	K185021667	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG NGHI	Nữ	13/11/2000	37000898	Bình Định		00	8.19	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
121	K185021668	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	20/06/2000	48021897	Đồng Nai	1		7.81	Khá	K18502	Luật Kinh tế
122	K185021669	LÊ KIM BẢO NGỌC	Nữ	17/09/2000	32002724	Quảng Trị	2		7.74	Khá	K18502	Luật Kinh tế
123	K185021670	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	27/02/2000	40006142	Đắk Lắk	1		7.98	Khá	K18502	Luật Kinh tế
124	K185021673	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	Nữ	14/09/2000	41003810	Khánh Hòa	2NT		8.00	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
125	K185021674	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	20/12/2000	40016336	Đắk Lắk	1		8.08	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
126	K185021675	HỒ GIA QUANG	Nam	06/09/2000	37000997	Bình Định	2		6.87	Trung bình khá	K18502	Luật Kinh tế
127	K185021677	NGUYỄN THỊ NHẬT QUYÊN	Nữ	25/09/2000	34014503	Quảng Nam	1		7.99	Khá	K18502	Luật Kinh tế
128	K185021678	LƯU NGUYỄN KHẢ QUỲNH	Nữ	21/04/2000	50004150	Đồng Tháp	2		7.57	Khá	K18502	Luật Kinh tế
129	K185021679	NGUYỄN LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	12/07/2000	46000556	Tây Ninh		00	8.38	Giỏi	K18502T	Luật Kinh tế
130	K185021680	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	25/09/2000	31009399	Quảng Bình	2		7.74	Khá	K18502	Luật Kinh tế
131	K185021681	VÔ THỊ MỸ SANG	Nữ	14/02/2000	39000297	Phú Yên	1	00	7.89	Khá	K18502	Luật Kinh tế
132	K185021682	HỒ THỊ THANH TÂM	Nữ	20/09/2000	04000908	Đà Nẵng		00	8.32	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
133	K185021684	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	01/01/2000	40006341	Đắk Lắk	1		7.96	Khá	K18502	Luật Kinh tế
134	K185021686	HUỶNH TẤN THÀNH	Nam	05/06/2000	44008282	Bình Dương	2NT		7.95	Khá	K18502	Luật Kinh tế
135	K185021687	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/01/2000	33004312	Thừa Thiên Huế		00	7.87	Khá	K18502	Luật Kinh tế



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
136	K185021688	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/01/2000	43001688	Bình Phước	1		8.22	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
137	K185021689	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/05/2000	44001387	Bình Dương	2		7.66	Khá	K18502	Luật Kinh tế
138	K185021690	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/11/2000	35002696	Quảng Ngãi	2		8.27	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
139	K185021692	VÕ THỊ THANH THẢO	Nữ	28/08/2000	36000818	Kon Tum	1		7.80	Khá	K18502	Luật Kinh tế
140	K185021693	VÕ THỊ THU THẢO	Nữ	04/08/2000	34009874	Quảng Nam		00	8.35	Giỏi	K18502T	Luật Kinh tế
141	K185021694	VÕ CHÂU QUỲNH THƠ	Nữ	21/07/2000	49004545	Long An		00	7.89	Khá	K18502	Luật Kinh tế
142	K185021695	HỒ PHƯƠNG THUY	Nữ	03/11/2000	40015219	Đắk Lắk	1		7.84	Khá	K18502	Luật Kinh tế
143	K185021696	ĐOÀN THỊ MỸ TIÊN	Nữ	23/01/2000	02047979	TP. Hồ Chí Minh	3		7.60	Khá	K18502	Luật Kinh tế
144	K185021697	VŨ THỊ THUY TIÊN	Nữ	06/03/2000	38011807	Gia Lai	1		7.80	Khá	K18502	Luật Kinh tế
145	K185021698	CHÂU HOÀNG TIẾN	Nam	28/11/2000	46000687	Tây Ninh	2		8.03	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
146	K185021699	BÙI THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	02/05/2000	40016832	Đắk Lắk	1		7.32	Khá	K18502	Luật Kinh tế
147	K185021701	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	28/03/2000	31009493	Quảng Bình		00	7.85	Khá	K18502	Luật Kinh tế
148	K185021704	NGUYỄN PHƯƠNG TRÂM	Nữ	02/10/2000	41002883	Khánh Hòa	2NT		7.66	Khá	K18502	Luật Kinh tế
149	K185021705	HÀ KIỀU TRINH	Nữ	01/10/2000	38001647	Gia Lai	1		7.25	Khá	K18502	Luật Kinh tế
150	K185021707	ĐẶNG THU UYÊN	Nữ	02/09/2000	35007016	Quảng Ngãi	2NT		8.13	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
151	K185021709	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	25/11/2000	51001394	An Giang	2		8.05	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
152	K185021710	VĂN THỊ THẢO VY	Nữ	08/12/2000	34004273	Quảng Nam		00	8.32	Giỏi	K18502	Luật Kinh tế
153	K185021711	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	05/05/2000	42011257	Lâm Đồng	1		7.86	Khá	K18502	Luật Kinh tế
154	K185021712	PHẠM NGỌC HẢI YẾN	Nữ	01/10/2000	56006018	Bến Tre	2NT		8.40	Giỏi	K18502T	Luật Kinh tế
155	K175021542	HOÀNG NGỌC MỸ LINH	Nữ	27/04/1999	43001670	Bình Phước	1		7.06	Khá	K17502C	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
156	K185021671	TÔ PHƯƠNG	NGUYỄN	Nữ	02/12/2000	02045392	Tây Ninh	3		7.90	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
157	K185021715	NGUYỄN TRANG	ANH	Nữ	26/10/2000	02008374	Hà Tĩnh		00	8.26	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
158	K185021716	NHỮ NGỌC TRÂM	ANH	Nữ	30/09/2000	40019822	Đắk Lắk	1		8.18	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
159	K185021718	VĂN VÕ NGỌC	DIỆP	Nữ	14/02/2000	39008274	Phú Yên	2		7.83	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
160	K185021719	LÊ MINH	ĐỨC	Nam	19/02/2000	02044515	TP. Hồ Chí Minh	3		7.10	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
161	K185021720	ĐỖ LÊ LINH	GIANG	Nữ	29/10/2000	34010034	Quảng Nam	2		8.06	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
162	K185021721	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	16/11/2000	48006686	Đồng Nai			8.02	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
163	K185021722	TRẦN NGÔ HƯƠNG	GIANG	Nữ	04/07/2000	48008130	Đồng Nai	2		7.86	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
164	K185021723	PHẠM NGUYỄN NHẬT	HẠ	Nữ	21/06/2000	41004808	Khánh Hòa	2		7.75	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
165	K185021724	TRẦN THỊ MỸ	HÀNG	Nữ	13/02/2000	50003874	Đồng Tháp		00	8.22	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
166	K185021725	LÝ QUỐC	HOA	Nam	25/06/2000	48002874	TP. Hồ Chí Minh	2		7.15	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
167	K185021726	NGUYỄN LÂM	HOÀI	Nữ	28/02/2000	26003361	Thái Bình	2NT		7.68	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
168	K185021728	PHẠM THỊ KIM	LINH	Nữ	09/08/2000	44000703	Bình Phước	2		7.75	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
169	K185021730	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGÂN	Nữ	13/03/2000	02045309	TP. Hồ Chí Minh	3		7.55	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
170	K185021731	PHẠM NGỌC BẢO	NGÂN	Nữ	21/11/2000	02032100	TP. Hồ Chí Minh		00	8.02	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
171	K185021732	TRẦN HIẾU	NGÂN	Nữ	26/11/2000	02064676	Đồng Nai	3		7.44	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
172	K185021733	NGUYỄN LÊ THANH	NGỌC	Nữ	17/01/2000	02045353	Lâm Đồng	1		7.49	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
173	K185021734	VÕ QUỲNH PHƯƠNG	NGUYỄN	Nữ	22/10/2000	02045396	TP. Hồ Chí Minh	3		7.15	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
174	K185021735	NGUYỄN CỬU	NHÂN	Nam	11/11/2000	02042364	TP. Hồ Chí Minh		00	8.01	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
175	K185021736	NGUYỄN MẬU MINH	NHẬT	Nam	28/09/2000	02045425	Đắk Lắk	3		7.49	Khá	K18502C	Luật Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
176	K185021737	NGUYỄN XUÂN	NHI	Nữ	29/04/2000	02052968	Vĩnh Long	2		8.07	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
177	K185021738	BÙI HỮU	PHÚC	Nam	01/01/2000	44001137	Bình Dương	2		7.48	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
178	K185021740	HỒ TẤN	TÀI	Nam	06/11/2000	36000305	Gia Lai		00	7.33	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
179	K185021744	TRẦN THỊ MINH	THY	Nữ	08/11/2000	02016457	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.80	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
180	K185021746	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	Nữ	28/07/2000	52001138	Bà Rịa - Vũng Tàu		00	8.14	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
181	K185021748	NGUYỄN NGỌC KIỀU	TRINH	Nữ	07/12/2000	44001766	Bình Phước		00	7.87	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
182	K185021749	TRẦN LÊ PHƯƠNG	TRINH	Nữ	17/08/2000	56000396	Bến Tre		00	8.03	Giỏi	K18502C	Luật Kinh tế
183	K185021751	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	Nữ	07/01/2000	43006449	Bình Phước	1		7.73	Khá	K18502C	Luật Kinh tế
184	K185021752	ĐỖ THUY TƯỜNG	VY	Nữ	19/10/2000	53012892	Tiền Giang	2		7.87	Khá	K18502C	Luật Kinh tế

Tổng cộng: 184

HIỆU TRƯỞNG


Hoàng Công Gia Khánh